

VÔ - DANH

Các văn cớ về

HÀ-THÀNH THẤT-THỦ VÀ HOÀNG DIỆU

*PHỤ-LỤC : Di-biên, Dự, Tội-hậu-thư và
tờ-trình của tướng Pháp, Lời H. Rivière
phê bình Hoàng Diệu và Tôn-thất-Bá*

DẪN và CHÉ-THÍCH
CỦA
HOÀNG XUÂN-HÂN

L O A I V Ắ N C Ỏ

SÔNG NHỊ

HÀ - NỘI



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : CÁC VĂN CỔ VỀ HÀ-THÀNH THẤT-THỦ VÀ HOÀNG-
DIỆU

Tác giả : VÔ-DANH

Nhà xuất bản : SÔNG NHỊ

Năm xuất bản : 1950

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : xuanhuy

Kiểm tra chính tả : Thư Võ

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 18/11/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả VÔ-DANH và nhà xuất bản SÔNG NHỊ
đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

LỜI DẪN

1. NỘI-DUNG
2. SỬ-LƯỢC
3. GIÁ-TRỊ NHỮNG BÀI VĂN
4. KẾT LUẬN
5. PHỤ BIÊN

I. HÀ-THÀNH THẤT-THỦ CA

1. HÀ-NỘI MẤT NĂM 1873
2. CỜ ĐEN PHẢN CÔNG
3. HÒA-ƯỚC 1874
4. HOÀNG-DIỆU RA TRẤN HÀ-NỘI
5. HÀ-NỘI THẤT-THỦ NĂM 1882
6. GIẢNG HÒA
7. KHEN, CHÊ
8. CẢNH CHẠY LOẠN
9. MONG QUAN-QUÂN
10. MONG QUÂN THANH
11. CẢNH HÀ-NỘI BỊ CHIẾM
12. NÓNG ĐỢI PHẢN CÔNG

II. CHÍNH-KHÍ CA (Hà-thành thất-thủ chí công quá ca)

- DỊ-ĐIỂM TRONG CÁC BẢN
1. HOÀNG-DIỆU PHÒNG BỊ
 2. PHÁP TẤN-CÔNG HẠ THÀNH
 3. HOÀNG-DIỆU TỰ-ẢI
 4. PHÊ-BÌNH CHUNG

- [5. CHÊ ĐỀ-ĐỐC LÊ-VĂN-TRINH](#)
- [6. CHÊ TUẦN-PHỦ HOÀNG-HỮU-XỨNG](#)
- [7. CHÊ ÁN-SÁT TÔN-THẤT-BÁ](#)
- [9. CHÊ BỐ-CHÁNH PHAN-VĂN-TUYỂN](#)
- [10. KẾT LUẬN](#)

III. ĐIỀU HOÀNG-DIỆU

- [1. BÀI ĐẦU](#)
- [2. BÀI THỨ HAI](#)
- [3. BÀI THỨ BA](#)
- [4. VÕ-TRỌNG-BÌNH ĐIẾU](#)
- [5. SĨ-TỬ HÀ-THÀNH ĐIẾU](#)
- [6. NGÔ ĐẠI-NHÂN ĐIẾU](#)
- [7. TRẦN ĐÌNH-TÚC ĐIẾU](#)
- [8. HOÀNG HỮU-XỨNG ĐIẾU](#)

IV. HÀ-THÀNH THẤT-THỦ ÁN

- [1. TỔNG VỊNH](#)
- [2. HOÀNG-DIỆU](#)
- [3. QUAN TUẦN](#)
- [4. QUAN TUẦN](#)
- [5. QUAN BỐ](#)
- [6. QUAN BỐ](#)
- [7. QUAN ÁN](#)
- [8. QUAN ÁN](#)
- [9. QUAN ĐỀ](#)

PHỤ LỤC

- [1. DI-BIỂU CỦA HOÀNG-DIỆU](#)
- [2. DỰ KẾ CÔNG TỘI](#)

3. TỐI-HẬU-THƯ

4. TỜ TRÌNH CỦA H. RIVIÈRE VỀ VIỆC ĐÁNH HÀ-NỘI

5. HOÀNG HỮU-XÚNG VÀ TÔN-THẮT-BÁ

Vô-danh
CÁC VĂN CỔ VỀ
**HÀ-THÀNH THẤT-THỦ
VÀ HOÀNG-DIỆU**

PHỤ-LỤC : *Di-biểu, Dụ, Tối-hậu-thư và tờ-trình của tướng Pháp, Lời H. Rivière phê bình Hoàng-Diệu và Tôn-Thất-Bá*

DẪN và CHÚ-THÍCH Của
HOÀNG XUÂN HÃN

**LOẠI VĂN CỔ
SÔNG NHỊ
HÀ-NỘI**

Nhà xuất-bản Sông-Nhị giữ bản-quyền 1950

Nền bìa : là bia làng Lê Lợi, Nguyễn Trãi soạn năm 1433.

LOẠI VĂN CỔ

Quốc-Văn của ta ngày xưa có phần thất-lạc, có phần còn lưu-truyền được đến nay. Phần còn lưu-truyền hay bị người sau làm sai-suyễn, tác-giả và gốc-tích có khi không tường, những chỗ khó hay nghi-ngờ lại không được giải-thích.

Mục-đích tùng-san này là tìm cách bổ-cứu những khuyết điểm ấy.

NHÀ XUẤT BẢN Sông Nhị

LỜI DẪN

1. NỘI-DUNG

Trong tập sách này, chúng tôi góp những bài văn kể chuyện hoặc vịnh thời-cuộc và nhân-vật ở Hà-nội trong hai vụ người Pháp đánh Hà-nội vào năm 1873 và 1882 :

Bài đầu là **HÀ-THÀNH THẤT-THỦ CA**, kể chuyện Hà-nội thất-thủ hai lần, và tình-cảnh nhân-dân ở Bắc sau cuộc thứ hai. Thể văn là song-thất lục-bát.

Bài thứ hai là **HÀ-THÀNH THẤT-THỦ CHÍ CÔNG QUÁ CA**, kể chuyện thất-thủ năm 1882, để ca-ngợi tiết-tháo của quan tổng-đốc Hoàng-Diệu, và chế-diễu các quan khác. Thường gọi bài này là **HÀ-THÀNH CHÍNH-KHÍ-CA**, hay gọi tắt là **CHÍNH-KHÍ-CA**. Thể văn là lục-bát.

Đoạn thứ ba là **ĐIỀU HOÀNG-DIỆU**, gồm ba bài tự-sự và khen quan tổng-đốc, làm bằng lối văn ca-khúc, bốn bài thơ chữ Hán và hai đôi đối-liễn của quan tuần-phủ Hà-nội Hoàng-Hữu-Xứng và của quan khâm sai tổng-đốc Hà-nội Trần-Đình-Túc.

Chúng tôi có dịch các bài thơ và câu đối ấy. Đoạn thứ tư là **HÀ-THÀNH THẤT-THỦ-ÁN** gồm chín bài thơ thất-ngôn bát-cú, luận công tội của các quan tỉnh Hà-nội. Đề-mục cũng chúng tôi đặt.

Cuối cùng sẽ phụ lục những bài dịch Hán-văn hay Pháp-văn có liên-can đến việc Hà-nội năm Nhâm ngọ. Những bài này đều là những chứng trực-tiếp cho cuộc xử án các nhân-

vật đương-thời. Giá-trị các tài-liệu ấy về lịch-sử rất quý.

2. SỬ-LƯỢC

Muốn hiểu rõ những chuyện kể trong các bài trên, chúng tôi nhắc qua đoạn lịch-sử này.

Hòa-ước 1862 ép vua Tự-Đức nhường cho Pháp ba tỉnh miền đông Nam-kỳ mà Pháp đã chiếm năm 1861. Vua Tự-Đức muốn chuộc đất lại. Không những Pháp không thuận, mà còn chiếm thêm ba tỉnh miền tây Nam-kỳ, năm 1867.

« Một bên thì nền cai-trị lập ra bởi đô đốc La Grandière để dự-bị mở-mang thuộc-địa một cách vô-giới-hạn. Một bên thì phái quan-phiệt mạnh-mẽ An-nam muốn đi ngược dòng lịch-sử. Thế nào cũng sẽ xảy ra những sự xích-mích và xung-đột liên-liền ». Đó là lời của viên toàn-quyền Vial trong sách « Nos premières années au Tonkin » in năm 1889.

Cái cớ để xâm-chiếm Bắc-kỳ là vụ Jean Dupuis (*Đồ-phổ-nghĩa*) tự-tiện chở khí-giới cho Vân-nam trên sông Hồng-hà. Pháp thấy đó rất có lợi cho sự mình cạnh-tranh thị-trường Trung-hoa, đối với các cường-quốc Âu-Mỹ khác, cho nên triệt-để ủng-hộ Dupuis. Đô-đốc Dupré phái Francis Garnier (*Ngạc-nhe An-nghiep*) đem quân ra Hà-nội. Vua Tự-Đức cũng sai Nguyễn-Tri-Phương từ vùng Sơn-tây về Hà-nội lo việc phòng-thủ. Garnier đem quân đóng ở Tràng-thị (phía nam phố Tràng-thị ngày nay), thị-uy và ép Tri-Phương. Tri-Phương không chịu điều-đình trực-tiếp, mà chỉ qua triều-đình Huế. Thấy binh-lực ta kém, và nhờ các thám-tử, biết nhân-tâm trong xứ li-tán, Garnier định chiếm thành Hà-nội. Ngày 19

tháng 11 năm 1873 (mồng một tháng mười năm Quý-dậu), Garnier gửi tối-hậu-thư cho quan Khâm-sai, yêu-cầu : « Giải-giáp quân-lính giữ thành, và sức cho các quan tỉnh phải tuân lệnh của Garnier ». (theo Vial)

Chiến-tranh bùng nổ lập-tức ở Hà-nội. Với non một trăm quân và hai chiến-thuyền yểm-hộ, Garnier hạ thành, Nguyễn-Tri-Phương thân-hành cùng con là phò-mã Nguyễn-Lâm mới tới thăm cha, chống giữ cửa Đông-nam.

« Quân An-nam chống-cự. Tự trên thành ném gỗ, đá, hỏa-hổ xuống. Quan Khâm-sai điều-khiển rất cương-quyết ; nhưng bị mảnh trái phá bắn vào đùi. Quân thấy vậy liền tan. Ông lên ngựa toan chạy trốn. Nhưng có tên thông-ngôn tố-giác, nên bị bắt và bị giam cùng các quan lớn khác. Khi thấy không thoát khỏi, ông kêu than thảm-thiết, và không chịu để buộc thuốc, và cấm kẻ hầu không được đem đồ ăn tới ». (theo Gautier)

Con ông là phò-mã Lâm bị tử-trận ; hai con Phan-Thanh-Giản là Phan-Tôn và Phan-Liêm cũng bị bắt.

Sau đó, Sài-gòn phái Philastre (*Hoắc-đạo-sinh*) qua Huế, rồi cùng Nguyễn-Văn-Tường ra Hà-nội để điều-đình. Lúc tới nơi, ngày 3 tháng giêng năm 1874, thì Tri-Phương đã mất (mồng 1 tháng 11 năm Quý-sửu, tức là 20 tháng 12 năm 1873), sau khi nhịn đói một tháng và Garnier đã bị quân Cờ-đen giết một ngày sau, trong khi chống với quân Lưu-Vĩnh-Phúc, quân Hoàng-Kế-Viêm và Tôn-Thất-Thuyết đóng ở vùng Sơn-tây, Hưng-hóa.

Sự thương-thuyết đem tới hòa-ước 1874, ký ở Sài-gòn,

giao trả các tỉnh Bắc cho ta, và ép ta phải nhận sự chiếm tất cả Nam-kỳ, và nhường cho Pháp những khoảng đất dọc bờ sông Hà-nội, quyền thu thuế thương-chánh và quyền tự-do đi lại buôn-bán ở Bắc, và ở Trung.

« Nếu thi-hành đúng hòa-ước 1874, thì Pháp có quyền chi-phối chính-sách ngoại-giao và nội-trị của An-nam. Nếu An-nam không theo, thì Pháp có thể chọn thì-giờ mà can-thiệp. Mà có thì chẳng thiếu gì ». (theo Vial)

Vua Tự-Đức biết nguy-cơ đã đến, cần phải giao-thiệp với các nước ngoài. Cho nên, tuy rằng hợp-ước 1874 đã « công-nhận độc-lập cho nước An-nam, nhưng phải nhường Nam-kỳ và cam-đoan y theo chính-sách ngoại-giao của Pháp », nhưng vua Tự-Đức cứ phái các sứ-bộ sang Tàu (năm 1876, 1880), sang Hương-cảng, và phái thanh-niên đi học trường Anh (1881).

Thấy vậy, Pháp nhất-định can-thiệp. Từ Sài-gòn, thiếu-tá Henri Rivière được phái ra Bắc, đem nhiều quân ra đóng thêm ở Hải-phòng và Hà-nội (bấy giờ đồn Pháp ở vùng nhượng-địa Đồn-thủy, mà ta gọi là Trường-Tây), lấy cớ là vì quân tàu ngăn-cản sự thông-thương. Bên ta, thì Trần-Đình-Túc, tổng-đốc Hà-nội đã được về hưu. Một vị quan có tiếng rất cương-trực ra thay (1880). Ấy là Hoàng-Diệu.

« Thấy quân Pháp tới nhiều, ông sai canh-phòng cẩn-mật, bắt những người ngoại-quốc muốn vào trong thành phải xin phép trước, xây các công-tác phòng-thủ trong thành. Đối với những người ỷ thế Pháp, ông rất ghét ; có lúc ông bắt một tên thông-ngôn hỗn-xược và đánh cho một trận. Nhưng

ông được lệnh đừng đụng-chạm đến người Pháp ». (theo Bouinais).

« Ngày 25 tháng 4 năm 1882, là mồng 8 tháng 3 năm Nhâm-ngọ, sợ bị đánh úp, thiếu-tá Rivière định tấn-công thành ». (theo Vial)

Sáng ngày ấy, thiếu-tá sai một tên thông-ngôn, tên là Phong, đưa tối-hậu-thư cho Hoàng-Diệu, yêu-cầu : « Phá các tạo-tác phòng-thủ trong thành, giải-giáp binh-lính, và đúng 8 giờ, thân-hành tới dinh Pháp ở Trường-tây. Quân Pháp sẽ vào thành, làm cho thành khỏi có thể làm hại. Xong sẽ giao trả thành cho quan An-nam, với nhà cửa, kho-tàng ». (xem tối-hậu-thư ở đoạn V)

Hoàng-Diệu sai viên án-sát Tôn-Thất-Bá đi điều-đình. Không đợi trả lời, Rivière tấn-công lúc 8 giờ 15 phút. Lần này, quân Pháp đông hơn 450 người, và có một ít ngự-binh. Lại có bốn tàu chiến yểm-hộ. Hoàng-Diệu chống-cự ở Cửa-bắc. Tôn-Thất-Bá chạy trốn vào làng Mọc (Nhân-mục), ở phía đông-nam Hà-nội.

Một chốc sau, kho thuốc súng trong thành nổ. Pháp nói đại-bác mình bắn trúng. Ta nói Pháp thuê Việt-gian đốt. Quân ta nao-núng. Các viên bổ-chính Phan-Văn-Tuyển, đề-đốc Lê-Văn-Trinh và các lĩnh-binh đều trụt thành chạy trốn. Viên tuần-phủ Hoàng-Hữu-Xứng (xem phụ biên số 1) trốn trong Hành-cung và nhịn đói thành ốm. Một mình Hoàng-Diệu vào hành-cung, lạy, khóc nói : « Sức của tôi đã hết ». Xong, ông tới cạnh Vũ-miếu, lấy khăn treo mình vào một cây ổi lớn mà chết. Người hầu chôn qua-loa. Sau, các thân-hào đưa táng

ông sau nhà Học-đường, tức là Học-chính-đường ở nơi ga hàng-hóa, cạnh đường Sinh-tử và đường xe-lửa ngày nay. Vũ-miếu ở chỗ góc tây-nam đường Cột-cờ và đường đôi P. Pasquier mà chính-phủ ta năm 1945 đã đặt tên là đường Hoàng-Diệu.

Về việc Rivière đánh Hà-nội và Hoàng-Diệu tự-tử, ta còn có một bài tường-thuật của tên Phong, thông-ngôn đi theo thiếu-tá đã kể lại (xem phụ biên số 2). Lời y kể như sau (theo Vial) :

« Cuối cùng, ngày 25 tháng 4, quan Nguyên-soái định đánh lấy thành Hà-nội, để phá các tạo-tác nguy-hiểm cho quân ta (Pháp), mà quan tổng-đốc Hoàng-Diệu đã sai xây.

« Rạng ngày ấy, quan Nguyên-soái sai tôi mang cho quan Tổng-đốc bức tối-hậu-thư, mà tôi đã dịch ra chữ nho ban tối. Tôi tới cửa thành lúc mới sáu giờ rưỡi. Cửa thành đóng chặt. Lính An-nam đứng chực trên thành. Chúng phất cờ. Chúng đông lắm.

« Muốn đạt tối-hậu-thư cho quan Tổng-đốc, tôi tiến tới gần cửa thành, và nói với người lính canh rằng : « Thưa bác lính canh-cửa, sao hôm nay bác dậy mở cửa cho người qua lại chậm thế ? ». Tên lính canh trả lời, nói rằng trái lại, nó không ngủ ; vậy làm thế nào mà nó dậy trưa được ! Tôi bèn hỏi : « Việc gì làm bác không ngủ ? ». Nó do-dự, không trả lời. Tôi nói : « Này ! đây là một bức thư cấp-tốc mà quan Nguyên-soái gửi cho quan Tổng-đốc. Tôi nhờ bác mang vào cho. Tôi đứng đây, đợi trả lời. Tôi mong rằng quan Tổng-đốc sẽ sai mở cửa cho tôi vào ».

« Tên lính canh cầm thư vào thành. Lập-tức, tôi trở về khu nhượng-địa. (Sở-dĩ tên thông-ngôn bỏ về liền chứ không đợi trả lời như y đã nói, có lẽ là theo huấn-lệnh của Rivière. Y chỉ nói dối để cho tên lính gác tin và nhận thư).

« Về đến nơi, tôi thấy quan Nguyên-soái còn đợi tôi. Ngài bảo tôi vào xa-lông ăn điểm-tâm. Ăn xong, tôi phải theo Ngài đi đánh thành. Quan tư Chanu là phó-soái, sắp-đặt cuộc tấn-công.

« Tôi cùng đi với quan Nguyên-soái. Hộ-tùng có một còm-ba-nhi (tiểu-đoàn) lính đổ-bộ và có quan hai Fiashi. Dọc đường, quan Nguyên-soái rút đồng-hồ xem, rồi nói : « Đã đến giờ ấn định rồi. Đại-bác phải bắt đầu bắn lúc tám giờ mười lăm ».

« Lập tức sau, tàu chiến La Fanfare (Kèn), La Massue (Dùi-cui), La Hache (Búa) bắn ầm ầm. Tàu La Surprise (Bất-ngờ) không tới kịp vì mắc cạn dọc đường Hải-phòng đi Hà-nội.

« Mười giờ rưỡi, các tàu ngừng bắn. Quan Nguyên-soái ra lệnh xung-phong. Lúc vào thành, chúng tôi đi tới Hành-cung. Thấy quan Tuần-phủ ngồi ở đó. Ông là người coi riêng tỉnh Hà-nội. Ông hỏi chúng tôi có gặp quan Tổng-đốc Huỳnh-Diệu ở đâu không. Chúng tôi không biết.

« Quan Tổng-đốc chống-cự trên Cửa-Bắc tới phút cuối-cùng. Đến bốn giờ chiều, có người tới nói với tôi rằng quan Tổng-đốc đã tự thắt cổ ở cây ổi, gần miếu Công-thần (xem phụ biên số 3), và người hầu đã chôn ông rồi. Quan Nguyên-soái sai tôi tới xét thực-hư. Vì muốn thi-hành nhiệm-vụ mà

quan Nguyên-soái đã giao cho, tôi ra lệnh cho người hầu kia bới đất một ít, để tôi nhận mặt quan Tổng-đốc. Thì thấy chung-quanh cổ ông còn vắn cái khăn nhiễu xanh mà ông đã dùng để tự-tử. Tôi trình với quan Nguyên-soái những điều đã thấy.

« Vì chúng tôi phải bỏ thành, cho nên quan tư Rivière (tức là Nguyên-soái) sai tôi đi tìm quan Án là người có họ với vua, để báo tin rằng quan Nguyên-soái sẽ giao trả thành và đồ-đạc. Quan Án tới trình-diện để nhận thành. Lập-tức thành được trả cho quan Án ».

Theo sử ta, thì cả tuần-phủ Hoàng-Hữu-Xứng và án-sát Tôn-Thất-Bá thương-thuyết để nhận thành. Nhưng quân Pháp vẫn đóng tại Hành-cung. Tháng tư, vua Tự-Đức sai nguyên-tổng-đốc Trần-Đình-Túc ra Hà-nội điều-đình. Pháp ép phải nhận quyền bảo-hộ của Pháp, và quyền lập thương-chánh ở Bạch-hạc (Việt-trì). Tháng mười năm ấy, Trần Đình-Túc về Huế, để Nguyễn-Hữu-Độ lại làm tổng-đốc Hà-Ninh (Hà-nội Bắc-ninh).

Vua Tự-Đức không bằng lòng, bèn sai sứ sang cầu-viện vua Thanh. Một mặt khác, vua sai Hoàng-Kế-Viêm tụ quân tại đồn Vàng ở Hưng-hóa để liên-lạc với quân Cờ-đen. Quân Thanh cũng lục-tục kéo sang địa-phận Bắc-kỳ. Trong lúc ấy, quân Pháp cứ tuần-tự thi-thành ý-định là chiếm các thành-phố lớn và những nơi quan-yếu về kinh-tế, như mỏ than Hòn-gay. Xung-quanh Hà-nội cũng có một vài nơi đánh nhau. Nhưng ai ai cũng nóng lòng đợi tin tổng-phản-công của quân ta hợp với quân Thanh.

3. GIÁ-TRỊ NHỮNG BÀI VĂN

Trong tình-trạng ấy, bài ***Hà-thành thất-thủ ca*** được viết ra. Bài ấy viết từ tháng tư năm Nhâm-ngọ 1882, và sau thêm dần, đến tháng chín mới thôi (xem đoạn đầu và cuối bài). Tác-giả là ai ? nay ta không biết. Lời văn giản-dị, ý-tứ khá chất-phác, làm ta tưởng đến một nhà nho bình-dân nào đó, tiêu-biểu cho kẻ bình-dân đương-thời. Xét thấy trong bài có một ít tiếng đàng trong dùng (như : « *ni, mi, mần răng* » ở câu 79-80 ; « *vô* » ở vế 62, « *nớ* » ở vế 105), và những vần sai nhưng người đàng trong hay gieo vì giọng đọc riêng (như : « *bắc* » với « *bắt* » ở các vế 193-194, « *vàng* » với « *đoàn* » ở các vế 115-116, « *then* » và « *Tường* » ở các vế 40-41, « *quang* » và « *vàn* » ở các vế 223-224), thì ta nghi rằng tác-giả có thể là người đàng trong ra ở Hà-nội. Nhưng đó cũng không lấy gì làm chắc.

Bài « *Hà-thành thất-thủ chí công quá ca* » mà thường gọi là « *Chính-khí-ca* » có lẽ viết liền sau khi Hà-nội thất-thủ. Tác-giả có lẽ cũng cùng là tác-giả bài trên, và chắc là tác-giả những bài đường-luật ở đoạn IV. Cách dùng vần, như đã nói trên, ở đây càng rõ-rệt. Chữ « *gian* » với « *thương* » ở câu 108-109 là khó tránh đã đành ; còn như « *đoàn* » với « *tàng* » ở câu 70-71, nếu tác-giả là người đàng ngoài thì đã đổi « *đoàn* » ra « *phường* » cho khỏi lạc vận. Về bài này, có kẻ nói là của một nhà văn có tính ngông, đời bấy-giờ tên là Ba Giai. Nhưng chẳng qua là vin vào mấy lời châm-biếm để phỏng-đoán mà thôi.

Còn riêng về ba bài ca khúc *điều* thì có lẽ là của người khác. Lời văn cầu-kỳ, dụng điển-cổ hơn các bài trước nhiều.

Xét về giá-trị văn, ta nhận thấy rằng hai bài ca có giá-trị văn tự-sự rõ-ràng, giản-dị mà không quê, không ép vần, ép chữ. Văn lại viết bởi người sống trực-tiếp những biến-cố kể trong đó, cho nên giọng văn thiết-thực, gợi được tình-cảm vui buồn, tức giận, mong-mỏi hay phàn-nàn. Ở nước ta, thường thiếu những loại văn này. Cho nên giá-trị hai bài ấy lại càng tăng.

Những bài *điếu* thì thuộc loại văn tiêm-nhiễm nho-học nhiều. Mà lời cũng như ý, phần nhiều là sáo cả.

Còn những bài án thì có giá trị của lối văn trào-phúng. Văn dễ-hiểu và ý ngộ-nghĩnh khi chế-điếu những viên quan hèn-nhát. Nhưng khi khen-ngợi Hoàng-Diệu thì giọng văn lại hồn-hậu và cảm-động.

Dẫu bằng lối nào, các bài văn này đều là văn của kẻ đương-thời, viết ra dưới cảm-xúc trực-tiếp, theo sự nghe thấy hằng ngày. Ta chớ cho đó là những sử-liệu tuyệt-đối đúng. Nhưng nó có giá-trị, vì nó lưu lại dư-luận đương thời. Ta cũng đừng coi những lời phê-bình trong các bài văn là đúng hẳn, và cũng không nên quan-tâm đến những tiếng gay-gắt khi các tác-giả nói đến những người họ oán hay ghét. Đó là thường tình mà thôi.

Chúng tôi đã dùng những bản của Trương-Vĩnh-Ký sao bằng *quốc ngữ* vào khoảng 1884, nghĩa là gần áp sau khi xảy ra việc đánh Hà-nội lần thứ hai. Nhưng kẻ đọc lại cho Trương-Vĩnh-Ký chép, đã tự chữa đi một vài câu mà họ sợ làm mất lòng người Pháp, cho nên nó khác hẳn những câu mà nay còn có người chép hay nhớ. Sau này chúng tôi gọi bản ấy là

nguyên-bản. Về bài ca thứ nhì, thì tôi còn có ba bản nôm chép tay khác, nó bổ-khuyết cho bản của Trương-Vĩnh-Ký. Chúng tôi mong rằng nếu độc-giả nào còn có bản sao cũ khác, thì cho biết để cải-chính hay bổ-khuyết (xem phụ biên số 4).

4. KẾT LUẬN

Đọc xong mấy bài văn sau này, chúng ta thấy rõ những duyên-cớ làm nước ta đã bị mất.

Những kẻ cầm quyền ở trên thì không biết lo xa, lúc lâm nguy mới tìm cách chữa, mà tìm-cách lại vụng-về. Những kẻ thừa-hành thì vô-tài, không biết tổ-chức cả đại-thể, mà chỉ lo giải-quyết những vấn-đề con-con, lúc lâm-sự thì hoàn-toàn ươn-hèn hay gian-trá. Trong cái xã-hội lấy kẻ sĩ cầm đầu, những kẻ ấy thật đã không có một tư-cách gì xử biến. Cũng may có một vài người, như Nguyễn-Tri-Phương và Hoàng-Diệu, còn cứu-vãn ít-nhiều danh-dự cho bọn sĩ-phu. Chẳng trách gì mà kẻ làm các bài này ca-tụng các vị ấy, mà thóa-mạ bọn kia.

Nhưng xét đến dư-luận đương-thời, qua các bài ca số I, thì ta lại hiểu rõ rằng dân-gian cũng không có một mảy-may tinh-thần độc-lập, mà chỉ lấy sự khổ thân làm chính ; chỉ biết trông-cậy vào sức viện-trợ của ngoài, và hành-động của quan trên. Hễ trên đổ và ngoại-viện lui, thì cả cơ-đồ của nước ta cũng đổ. Sống trong giai-đoạn lịch-sử ngày nay, ta đọc các bài văn này, không khỏi phải nghĩ-ngợi.

5. PHỤ BIÊN

(1) Các quan tỉnh Hà-nội bấy giờ có những vị sau :

- Hoàng-Diệu, tự Quang-viễn, người xã Xuân-đài, huyện Diên-phước, tỉnh Quảng-nam. Đậu cử-nhân năm 1848 ở trường Thừa-thiên, và đậu phó-bảng khoa 1853. Nhà ông có sáu anh em ruột đều đậu-đạt.

- Hoàng-Hữu-Xứng, tuần-phủ, người xã Bích-khê, huyện Đăng-xương, tỉnh Quảng-trị. Đậu cử-nhân khoa 1852 trường Thừa-thiên.

- Phan-Văn-Tuyển, bổ-chánh, người xã Chính-mông huyện Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-nghĩa. Đậu cử-nhân năm 1848 tại trường Thừa-thiên. Vì việc ông đào-ngũ ở Hà-nội, nên ông phải bị cách chức về làm dân.

- Tôn-Thất-Bá, án-sát.

- Lê-Văn-Trinh, đề-đốc ; Lê-Trực, lãnh-binh ; Hồ-Văn-Phong và Nguyễn-Đình-Đường, phó lãnh-binh.

(2) Một viên vũ-quan Việt-Nam đã từng mục kích việc Hà-nội thất-thủ năm 1882 có kể lại chuyện ấy. Ấy là ông Nguyễn-Đình-Trọng, thường gọi là cụ Cử Tồn (cử-nhân võ). Ông đã từng làm suất-đội hộ vệ quan tổng-đốc Hoàng-Diệu. Ông mới mất năm 1947 ; thọ gần một trăm tuổi. Ông Nguyễn-Tường-Phượng đã viết lại chuyện ấy trong báo Tri-Tân số 183. Sau đây là lời ông Tường-Phượng thuật lại :

« Trước đó một tháng, quan tổng-đốc Hà-ninh Hoàng-Diệu thám biết sự dòm-dò xứ Bắc-kỳ của quân Pháp, đã bắt đắp thành đất chắn ngang từ cửa Đông sang cửa Tây. Các cửa thành đều lấp hết, sự đi lại phải dùng thang (?).

« Ngày mồng tám tháng ba năm Nhâm-ngọ, vào khoảng giờ Thìn, một người thông-ngôn Nam-kỳ, tên là Phong (tức là đốc-phủ Phong) mang chiến thư vào thành. Ân-sát Tôn-Thất-Bá xin với quan Tổng-dốc ra thương lượng với ông năm (?) Henri Rivière về đình-chiến.

« Quan Tổng đốc sai giòng dây cho Tôn-Thất-Bá xuống góc thành cửa Bắc (phía bóp hàng Đậu). Nhưng sự thật thì Tôn-Thất-Bá lập-tâm trốn ra nằm ở đền Ngọc-sơn (?) ; khi thành đã vỡ thì theo binh Pháp mà nhận lấy thành.

« Cách độ một giờ sau, quân Pháp bắt đầu bắn vào góc thành cửa Bắc, chết một viên quản đội Hùng-nhuệ. Bõ-chánh Tuyển bỏ chạy. Quân Pháp bắc thang vào. Tuyển chạy thẳng vào kho. Kho bốc hỏa. (Chỗ này cụ cử Tồn lại nói thêm rằng Hoàng-Diệu đã dấu thuốc súng ở kho Hậu-lâu ; chỗ kho lửa bốc cháy là do mấy tên nội phản đốt hỏa-hồ làm hiệu cho quân Pháp, và để làm loạn lòng quân ta. Sự thật thì kho thuốc súng vẫn còn nguyên). Rồi súng bắn xối vào chỗ quan Tổng-dốc đóng ở cửa Chính-bắc.

« Đề-dốc Lê-Trình giữ cửa Đông bỏ chạy. Chỉ còn phó-lĩnh-binh là Hồ-Văn-Phong đứng kèm với quan Tổng-dốc. Ở cửa Tây, thì lãnh binh Lê-Trực thấy núng cũng tháo lui. Ở cửa Nam thì thủy-sư lĩnh-binh Nguyễn-Đình-Khang (Đường ?) cố-thủ.

« Pháp quân bắn vào cửa Bắc dữ quá. Quan thượng (Hoàng-Diệu) mới lên voi chạy vào Hoàng-cung. Vào sân rồng, lạy năm lạy ; vừa lạy vừa khóc rồi quay ra. Lúc ấy, quan Tổng-dốc chít khăn xanh, mặc áo the thâm, thắt lưng

nhieu điều, tay cầm kiếm. Ngài đến cửa Võ-miếu. Xuống voi, đi vào, có mười võ cưỡi ngựa đi theo.

« Đến đây, ngài đuổi cả ra, và bảo rằng : « Ai muốn về Huế thì về ; còn ai muốn đánh thì theo lên quân-thứ Sơn-tây ». Nói xong ngài vào Võ-miếu, đóng sập cửa lại, cởi khăn chít, buộc lên cây táo mà tự-vẫn.

« Khi thành đã phá xong, trong hàng phố được tin quan Tổng-đốc tuần tiết, rất lấy làm thương-xót. Ông thượng Kim, một thân hào, cùng dân hàng bang, góp tiền mua áo quan đem chôn ở gần miếu Trung-liệt, cạnh mộ quan khâm-sai Nguyễn-Tri-Phương (?). rồi sau lại đi ra dinh quan Đốc-học (gần phố Sinh-tử).

« Quan tuần-phủ Hoàng-Hữu-Xứng ra hàng, được ở lại. Còn đề-đốc, chánh, phó-lãnh-binh đều trèo thành trốn lên phủ Hoài.

« Cách ba ngày sau, triều-đình sai hai quan Khâm-sai, là Nguyễn-Trọng-Hiệp và Trần-Đình-Túc ra nghị hòa. Lại có chỉ đòi các quan Hà-nội như bố-chánh Tuyền, án-sát Bá, đề-đốc Trinh, chánh-lãnh-binh Trực, phó-lãnh-binh Phong và tác-vị lĩnh binh Nguyễn-Long, phải già-tỏa (gông xiềng) lại kinh. Nhưng sự thật thì mỗi ông này, mỗi người có một cái xiềng bỏ trong tráp, mà vẫn đi chơi ngoài phố. Về sau, cả bọn đều được miễn-nghị ».

Tuy chuyện thuật lại trên có điều chắc sai, nhưng nó cũng xác-nhận phần lớn lời thông-ngôn Phong đã kể. Trong đoạn V, tôi sẽ có những bài tường-thuật của các người đương sự.

(3) Chắc là Võ-miếu. Trong bản-đồ cũ Hà-nội, không

thấy có đề tên miếu Công-thần. Và trong các sách, thường nói Võ-miếu ở góc tây-bắc thành. Nhưng sự thật thì ở phần tây-nam

(4) Về thân-sử ông Hoàng-Diệu, thì có bài của ông Khuê-trai đăng trong báo Tri-Tân số 182, khá tường-tận. Ông lại cho biết có nhiều bài văn nôm về Hoàng-Diệu, như *Chính-Khí-ca*, *Bắc-tĩnh-ca* nữa. Còn bài biểu bằng chữ nho mà người ta thường truyền tụng và cho là Hoàng-Diệu làm để gửi về triều trước lúc mất, thì sợ không được chắc thật (xem phần V).

Về các văn, thì báo Thông-Tin số 2 năm 1945 có đăng bài Chính-Khí-ca, báo Tri-Tân từ số 182 đến 190 có đăng bài hát III (3) và thơ IV (4), bài Chính-Khí-ca và một ít câu đối.

I. HÀ-THÀNH THẤT-THỦ CA

1. Tiết mạnh-hạ, hiên Nam ngời mát,¹
Chuyện Thăng-long diên-mạt kể ra.²
Bao nhiêu nông-nỗi tỉnh Hà.
Hai lần phân-nhiều những là làm sao ?³

1. HÀ-NỘI MẤT NĂM 1873

5. Năm Quý-dậu, tàu vào vừa tới,⁴
Người Bắc-kì rằng mới biết Tây ;
Rủ nhau xem-sóc thân ngày.
Đem quân về đóng ở rày *Trường-thị*.⁵
Tờ niêm-yết *Ngạc-nhe An-nghiệp* :⁶
10. « Đường giao-thông tiến-tiếp lại qua.
« Xa nghe đồn tỉnh Bắc-hà,
« Giặc Tàu quấy rối vậy mà đến đây ».
Các quan tỉnh nghi-nghi hoặc-hoặc,
Những bàn riêng rằng : « Giặc bên chân ! »
15. Tháng mười, mồng một, giờ Dần,⁷
Ầm-ầm hạ tỉnh, là lần ngày xưa.
Khi ấy có *Khâm-thừa* quan Nguyễn,⁸
Cha con đều ngộ biến thất cơ.
Phò Lâm mắc nạn bấy giờ,⁹
20. Cha già tuyệt thực còn chờ quyền sinh.

2. CỜ ĐEN PHẢN CÔNG

Các quan sau quyết-tình lên thứ,¹⁰

Ông tham *Tôn* tức-sự khởi-hành.¹¹
 Đem quân về đóng *Diễn, Canh*,¹²
 Nhơn-nhơn thu-phục tỉnh-thành về ta.¹³
25. Chỗn Thăng-long thật là thượng-đẳng,
 Xui tướng Tây quyết thẳng tiến-truy.
 Thất-cơ phải chú *Hắc-kì*,
 Ngoài ô, một trận, Ngạc-nhe qua đời.
 Khách các hiệu rụng-rời nhao-nhác,
30. Giọng vắn tay đồ-đạc xuống Tàu.
 Giữa dòng chiếc trước, chiếc sau,
 Ra ngoài Ninh-hải để hầu về Nam.¹⁴
 Quan thừa-thắng, diện-bàn tướng-sĩ,
 Bất-thình-linh có chỉ Kinh ra.
35. Chuộc thành mà lại giảng-hòa,
 Định, An-Ninh-hải, tới Hà-nội đây.¹⁵
 Quan *Hoàng Thống* nghe rày bút-rút,¹⁶
Lưu Hắc kì kéo phút lên Ngâu.¹⁷
 Phá ngang việc ấy bởi đâu ?
40. Nhà công xế bóng, cửa châu long then.¹⁸

3. HÒA-ƯỚC 1874

Sai quan *Nguyễn-Văn-Tường* chánh-sứ,
Hoắc-đạo-sinh, thử thứ là đây.¹⁹
 Quan Nam với lại quan Tây,
 Sửa-sang khi ấy, dân rày được yên.
45. Việc thanh-khoản, chỉ truyền về bộ,²⁰
 Quan *Nguyễn-Tường* thẳng Hộ thượng-thư.
 Qua năm Giáp-tuất tháng tư,²¹

Thấy quan *Nguyễn-Chánh* phụng từ Kinh ra.

Điều niêm-yết mới hòa-ước đó,

50. Gẫm kĩ xem có khó nghe thay !

Non sông cao rộng thế này,

Nào người trí-dũng, nào tay anh hùng ?

Quan *Tăng-Doãn* rằng : « Vâng Thánh chỉ, ²²

Tĩnh Hải-dương lĩnh ý phải ra ».

55. Quan tư với lại quan ba,

Tìm nơi Hà-nội, lập tòa *Tràng-tây*. ²³

Thấy phố-xá người đầy, đất hẹp,

Nhà thứ-dân rộn-rịp chĩn khôn. ²⁴

Thênh-thênh sẵn chốn *Thủy đồn*,

60. Làm tòa ở cạnh ô-môn *Trường tiền*.

Khai thương-chánh, thu-biên thuế thủy,

Cùng quan ta quản-lý thâu chung.

Rồi sau mới lập ngoài sông,

Nhà cao ngất-ngưỡng bên sông Nhị-hà.

65. Quan thượng tỉnh tên là *Đình-Túc*, ²⁵

Nghĩ tuổi già, nhẩn-nhục là xong.

Oán kia xếp để bên lòng,

Nói cười leo-lẻo như giòng nước xuôi.

Ngoài thất-thập, số người tri-chức, ²⁶

70. Quan-quân đều thốn-thức tiễn-đưa.

Về nhà được mấy nắng mưa,

Câu thơ xuân-nhật, cuộc cờ hạ-thiên.

4. HOÀNG-DIỆU RA TRẦN HÀ-NỘI

Đất Hà-nội là miền xung-yếu,

Lại sai ông *Hoàng-Diệu* ra thay.

75. Vốn người tính nóng, lòng ngay,
Dũng-cương, chẳng biết đãi Tây như Trần,²⁷
Việc tỉnh-vụ đang phần gióng-giả,
Đánh thông-ngôn làm hả nộ-uy :

« Mi là người ở nước ni,

80. « Mần rằng không giữ lễ-nghi ngôn-từ ? »²⁸

Nổi nhà nước rồi như mắc cười,
Chừng gió Tây tầm-gửi lẩn ngành.²⁹

Lễ đâu biết cũng làm thịnh,
Dốc lòng ái-quốc, nặng tình sự-quân.

85. Từ Canh-thìn bước lần năm ngoái,³⁰
Sớ xây thành bên trại *Võ-sinh*.³¹

Tập rèn lính-tráng cho tinh.
Phòng khi sự bất-thành-linh làm sao.
Các cửa thành truyền giao cấm-cách,

90. Giữ người Tây, với Khách vào ra :

« Khi nào có việc nước nhà,
« Đem đơn bắm trước, bay hòa cho vô ».

5. HÀ-NỘI THẤT-THỦ NĂM 1882

Lang-sa thấy cơ-đồ biết ý,
Tới năm nay thịnh-khí kéo ra.

95. Giờ Thìn mồng tám tháng ba,³²
Hạ thành này nữa ấy là thứ hai.

Quan *Hoàng-Diệu* quyết tài nhất chiến,³³
Lĩnh-binh *Đường* xử biến hỏa-công.
Đương cơ súng bắn đùng-đùng,

100. *Lĩnh-binh*, quan *Bố* thể cùng, trút ra.

Quan *Đốc-bộ* đứng xa ngó thấy,³⁴

Nghĩ tức mình, vào lạy *Hoàng-cung*.

Sau ra đến miếu *Võ-công*,³⁵

Buộc khăn tự tử, vào vòng quyên-sinh.

105. Quan *Tuần-phủ* thất-tình khi nớ,³⁶

Đau lằng-nhặng ba bữa lại lành.

Văn võ đều tểch ra thành,

Lên *Đoài*, sang *Bắc*, tan-tành chạy tan.³⁷

Kể ngoài thành những quan nhỏ-nhỏ,

110. *Tri-phủ Hoài*, huyện *Thọ* là ai ?

Thọ-xương tểch những khi mai,

Đến trưa ấy, chú *phủ Hoài* cũng bon.

Quan đi cả, mà còn thành-lũy,

Chạnh lòng người ngẫm-nghĩ mà thương !

115. *Kính-thiên* ngai ngự thếp vàng,³⁸

Tây ngồi đánh chén với đoàn thanh-lâu.

Các chùa miếu đâu đâu đầy tá,

Can gì Tây, cũng phá tan-tành ?

120. Chủ kho *Tượng* cũng chẳng linh,

Để Tây đem đốt, ra tình trêu người.

Kể chi hấn hại người đến thế,

Hạ thành rồi chẳng để cho xây.

Có người rằng : « *Lũ Tây* này,

Khác *Tây Quý-dậu*, mà rày lằng-nhặng ».³⁹

6. GIẢNG HÒA

125. Dân xiêu-lạc, hỏi xằng (sắn) hỏi đón :

« Về đánh Tây có bọn nào không ? »
Đồn : quan tiết-chế *Hoàng-công*,⁴⁰
Hắc-kì hợp với *Sơn Hùng* cũng đông.⁴¹
Đang sắm-sửa hỏa-công, khí-giới,
130. Tể cờ rồi ngài mới cất quân.
Người ta tấp-tễnh nghe dẫn,
Bữa mai, bữa mốt, đại-thần về đây.
Đỏ như mắt cá chày mong-mỏi,
Tính ngón tay đã ngoại tháng ba.
135. Bỗng đâu có sứ Kinh ra,
Tĩnh-biên *Đình-Túc* giảng-hòa với Tây.⁴²
Được hai bữa, kéo ngay vào tỉnh,
Thấy kho-tàng, dinh-sảnh sạch không.
Bàn nhau số tấu Cửu-trùng,
140. Thấy sao nói vậy đủ trong tình-hình.

7. KHEN, CHÊ

Kìa như kẻ học-sinh cửa Thánh,
Hễ làm trai phải gánh cương-thường.
Ngán cho Đốc-bộ họ Hoàng,
Đan-tâm có một, cương-trường không hai.⁴³
145. Cũng có kẻ van hoài xuất-thú,⁴⁴
Lại có người mặt ủ hờn cơ.
Nhờ ai cũng dựa tiếng thơm,
Tiếc gì xuân nữa, mà sớm-sỡ ai.⁴⁵
Được mấy kẻ anh-tài phải đạo,
150. Đều ăn cơm mặc áo trên đời.
Đến khi có việc tà trời,

Trơ-trơ chỉ thấy một người tận-trung.

8. CẢNH CHẠY LOẠN

Trong thế-cuộc nào mong như thế,
Nỗi phổ-phường mới kể mà nghe.

155. Bể nay xuân đã sang hè,
Thân này đóng cửa mà nghe sự đời.
Tỉnh Hà-nội, những người phổ-xá,
Chạy loạn Tây vất-vả cũng thương.

Xách già, ôm trẻ vội-vàng,
160. Về quê ăn tuyết tư-lương sạch rồi.
Ở cũng cực, ra thời cũng cực,
Tưởng bán-buôn mà bức mọi bề.

Bể ai có chợ, có quê,
Tiện phường thương-mại, tiện nghề điền-viên.

165. Cũng có kẻ quen miền phổ-xá,
Thói quê mùa, bỏ-ngõ xưa nay.

Ra hải, vào hán thế này,
Bây giờ lại phải dãi-dày tuyết-sương.

9. MONG QUAN-QUÂN

Xưa chạy loạn, nay đương chạy loạn,
170. Khúc ngày xưa khác đoạn ngày nay.

Có quan đi giữ dẹp Tây,
Nay quan chẳng thấy, loạn này bao yên ?

Rạng nghe đóng trên miền *Dày, Ké*,⁴⁶

Mai lại nghe ở *Vẽ, ở Vòng*.

175. Lại nghe mới bước đến *Phùng*,

Lại nghe Ngài đóng ở vùng *Thanh-oai*.⁴⁷
 Nghe đồn tiếng rằng Ngài phủ *Lý*,
 Huyện *Nam xang* quân thủy đóng thuyền.⁴⁸
 Đồn rằng Ngài ở *Tam-tuyên*,⁴⁹
180. Hắc-kì vừa tới, Thanh-biên vừa qua.⁵⁰
 Thôi thôi hẩn Ngài đà đãi-chí,⁵¹
 Hể mà nghe Thánh-chỉ mần rằng ?
 Cho nên việc phải dùng-dắng,
 Hết ngồi mà sợ, hết nằm mà lo.
185. Quan ta chứa (trữ) các kho tiền thóc.
 Mong làm hòa, đỡ khóc, đỡ van.
 Sớ ra giục-giã các quan,
 Tây thì khảng-khái, biết bàn làm sao ?
 Tòa thất-thủ, xiềng trao già-tỏa,⁵²
190. Phải lai-kinh, tra đã không tha.
 Lanh-quanh ta lại với ta,
 Kính-thiên Tây ở, thế mà điềm nhiên !

10. MONG QUÂN THANH

Đồn Tàu Khách sang miền tây-bắc,
 Làm rọ nhiều, hẩn bắt đoàn Tây.⁵³
195. Mấy mươi dinh kéo đến đây,
 Những là mong-mỏi, mà rày thấy đâu.
 Hay các chú phá tàu Đông-hải,⁵⁴
 Còn quay về đóng lại mới sang ?
 Mau mau cứu lấy Đại-nam,
200. Gạo đông hầu hết, củ lang không nhiều !
 Lúa ngô, gạo nếp đều vét sạch,

Vận Bắc-kỳ có bách hay không ?
Sự hòa còn nói viễn-vông,
Một nhà ba chủ, biết trông chủ nào ?

11. CẢNH HÀ-NỘI BỊ CHIẾM

205. Chuyện lúng-túng làm sao thế ấy ?

Mãi thế này những thấy bét-be.

Nực cười kể chuyện kè-nhè,

Người cùng, tìm chốn chở-che qua ngày.

Đàn-bà phải lấy Tây cũng bức,

210. Dẫu rậm râu, mạnh sức cũng liều.

Người Nam, lớn bé bao nhiêu,

Ở hầu, làm bếp, cũng đều làm ăn.

Cô thống-sát, thông năm vô số, ⁵⁵

Vợ quan Tây, bà cố chan-chan. ⁵⁶

215. Vống đào, giày thắm nghênh-ngang,

Mới hôm nọ, đã bà quan tênh-tàng.

Phường nhà bếp nghênh ngang đi phố,

Áo quần Tây, tảng-lố thông-ngôn.

Nay tàu lên *Hạc* lập đồn, ⁵⁷

220. Làm thêm thương-chánh, bán buôn cho nhiều.

12. NÓNG ĐỢI PHẢN CÔNG

Rày nghe tiếng Thiên-triều đến *Quán*, ⁵⁸

Do Vân-nam mấy vạn kéo sang.

Bắc-ninh với lại *Tuyên quang*,

Quảng-yên, *Thái-lạng*, vô-vàn Thanh-quân. ⁵⁹

225. Xin cứu lấy nước Nam, đành báo,

Có từ tư thu gạo cho nhiều,
Sức dân : « Định giá bao nhiêu,
Thuận mua, vừa bán, Thiên-triều trả cho ».

Sơn, Hưng phải làm kho chứa sẵn, ⁶⁰

230. Lưỡng-biên-giang cứ thẳng kéo về.

Tỉnh-thành cho chí chợ quê,
Chỉ lo chết đói mà mê-mẩn người.
Còn dững-tráng trêu người bặng-nhặng,
Người làm công thẳng-thẳng lưng xơi.

235. Nghĩ buồn Nam-Việt sự đời.

Những ăn hà-tiện, của thời cho ai !

Nay Tây cậ có tài thiện thủy, ⁶¹

Đường sơn-lâm, hẩn bí kể thôi.

Tàu bè ngược-ngược xuôi-xuôi,

240. Lên *Sơn-hưng*, đoạn, lại hồi *Trưởng-tây*.

Chú Khách cậ quân nầy thiện bộ, ⁶²

Dòng Nhị-hà hẩn đổ giám qua.

Đi đâu quanh-quẩn thế mà ?

Hết *Lâm*, *Đoan* lại *Bảo-hà*, sông *Ngâu*, ⁶³

245. Hai bên cứ giữ nhau thế mãi,

Hay sợ hơi, có phải hay không ?

Bên e trái-phá thần-công,

Bên e cờ úp, thùng trồng đâm ngay. ⁶⁴

Sao mà giữ mãi thế này ? ⁶⁵

250. Tây thì Hà-nội, Ngô rày Sơn, Hưng.

Tính thắm-thoát qua chừng thág chín,

Quít đỏ tròn ; còn nhẩn bao-lâu ? ⁶⁶

Sao cờ mọc đã ngang đầu, ⁶⁷

Hồng-mao với khách *quan Tào* đi đâu ?

255. Thử nhất-quyết đánh nhau một trận,
Hãy định làm cho tận-tình dân.

Đã hầu ngũ liệt, tam phân, ⁶⁸

Tam-cương còn thiếu chữ quân làm đầu.

Lại một hẹn rằng sau tháng chín,

260. *Quan Tào* về, chẳng nhin nữa đâu.

Chuyện như khất nợ với nhau,

Mấy mươi tháng nữa, mới hầu cho yên ?

II. CHÍNH-KHÍ CA (Hà-thành thất-thủ chí công quá ca)

DỊ-ĐIỂM TRONG CÁC BẢN

Về bài Chính-Khí ca nay còn nhiều chép. Tôi đã xét bản quốc-ngữ chép vào khoảng năm 1883, nhưng thiếu mất từ về 109, và một bản bằng chữ nôm chép cũ, và đủ. Bản đầu sẽ gọi tắt bằng bản A. Bản sau, sẽ gọi tắt là bản B. Ngoài ra, còn một bản nôm mà ông Nguyễn-Văn-Oánh đã phiên-âm mà tôi chỉ có bản quốc-ngữ ; nhưng nó có thêm dấu chữa lại nhiều. Bản thứ ba này gần như bản B ; nhưng từ về thứ 127 thì khác nhiều, và kém bản B bốn về. Tôi sẽ gọi nó là bản C. Ở thư-viện Bác-cổ có hai bản sao, mà ông Hoàng-Thúc-Trâm và ông Nguyễn-Văn-Tổ đã phiên-âm. Bản đầu không có đoạn cuối từ về 127. Trái lại, bản thứ hai có đến 193 về. Tôi sẽ gọi bản ấy là bản D và E. Trong các báo chí, từ khi nước ta được độc-lập, đã có báo đăng bài Chính-Khí ca, phần nhiều là theo người đọc thuộc lòng, như báo Thông-Tin số hai vào dịp ngày giỗ Hoàng-Diệu, năm 1945. Xét các bản ấy, thì những bản B, C, D, E phần lớn ở một gốc mà ra, và gốc ấy khác bản A.

Bản E chắc là do một kẻ nào đã tự thêm 53 về vào bài cũ. Đoạn này văn kém-cỏi, ý rỗng-suông. Chỉ toàn những câu văn than-vãn sáo. Sau đây chép lại mấy câu ở đầu và cuối của đoạn này. Xem qua thì sẽ thấy là giả :

Ngán thay cho cái phong-trần,
Tiếc thay cho kẻ trung-thần lắm thay !
Vì ai nên nổi nước này,

*Để người danh-tiết biết ngày nào quên...
Nỗi niềm trông thấy mà đau,
Nỗi lòng ai dãi cho ai (nhau) hỡi lòng ?
Anh-hùng mới biết anh-hùng.*

Bản A có tính-cách sao lại xưa hơn cả. Còn những bản kia chắc đã bị sửa chữa. Một chứng là chỉ bản A giữ đúng tự của Hoàng-Diệu.

Chỉ tiếc rằng bản A nay thiếu từ về 109, nhưng ở đầu có chú rằng bài ấy có 138 vế. Như vậy thì ít hơn bản B hai vế, mà lại nhiều hơn bản C hai vế. Có thể người trước đã đếm thiếu câu chăng ?

Trên đây chúng tôi lấy bản A làm gốc cho đoạn đầu từ về đầu đến về 108. Trong khoảng ấy, có một vài chữ mà chắc A lầm, thì tôi lại lấy ở B. những chữ ấy in ngả, và sau đây có chú-thích nguyên-thoại của A.

Từ về 109 đến cuối, tôi lại lấy bản B làm gốc, và chữa những chỗ không thông bằng thoại của bản C, D hay E. Trong khoảng ấy, chữ nào lấy ở các bản ấy thì sẽ in ngả.

Tôi sẽ chú-thích những dị-điểm trong các bản như sau, nhưng tôi cũng chỉ để ý đến những thoại khác nhau nhưng đều có nghĩa.

1. HOÀNG-DIỆU PHÒNG BỊ

1. Một vùng chính-khí lưu hình,⁶⁹
Khoảng trong trời đất ; nhật, tinh, sơn, hà.⁷⁰
Hạo-nhiên ở tại người ta,
Tắc vuông son sắt, hiện ra khi cùng.⁷¹

5. Hớn thua trong *vận* truân phong,⁷²
Nghìn thu *để* tiếng anh-hùng sử xanh.⁷³
Có quan tổng-đốc Hà-Ninh,⁷⁴
Hiệu là *Quang-viễn*, trung trinh ai bằng.⁷⁵
Lâm nguy, lý hiểm đã từng,⁷⁶
10. *Vâng* ra trọng trấn mới chừng ba năm.⁷⁷
Thôn Hồ, dạ vốn *nhăm-nhăm*,⁷⁸
Ngoài tuy *giao-tiếp*, trong cầm những là.⁷⁹
Vừa năm Nhâm-ngọ tháng ba,⁸⁰
Sáng mai mồng tám, *bước* qua giờ Thìn.⁸¹
15. Biết cơ trước *đã* giữ-gìn,⁸²
Hơn trăm vũ-sĩ, *vài* nghìn tinh-binh.⁸³
Tiên nghiêm *lên* đóng trên thành,⁸⁴
Thệ sư, rót chén rượu quỳnh đầy vơi.⁸⁵
Văn-quan, vũ-tướng *nghe* lời,⁸⁶
20. *Hầm-hầm* xin quyết một bài tận-trung.⁸⁷

2. PHÁP TÂN-CÔNG HẠ THÀNH

Ra oai xuống lệnh vừa xong,
Bổng nghe ngoài đã ùng ùng *pháo* ran.⁸⁸
Tiêm cừ, nổi giận xung quan,⁸⁹
Quyết rằng chẳng để chi đoàn *chó dê*.⁹⁰
25. Lửa phun, súng phát bốn bề,
Khiến loài Bạch-quỷ hồn lìa phách xiêu.⁹¹
Bắn ra, nghe chết cũng nhiều,
Phổ phưởng trông thấy tiếng reo ầm ầm.
Quan-quân đặc-chí, bình-tâm,

30. *Cửa-đông, Cửa-bắc* vẫn cầm vững binh. ⁹²

Chém cha cái lũ hôi-tanh ! ⁹³

Phen này quét sạch-sành-sanh mới là.

Nào ngờ thất-ý tại ta, ⁹⁴

Vẫn rằng thắng trận, hóa mà thua cơ. ⁹⁵

35. Nội-công *phải* những bao giờ, ⁹⁶

Thấy kho thuốc *cháy*, ngọn cờ ngả theo. ⁹⁷

Quan-quân *sợ chết thảy đều*, ⁹⁸

Thành-tây, Bạch-quỉ đánh liều trèo lên.

Nào ai *cơ áo dốc* đến ? ⁹⁹

40. Nào ai *cầm vững* cho bền ba quân ? ¹⁰⁰

Nào ai còn chí kinh-luân ? ¹⁰¹

Nào ai nghĩ đến *thánh-quân* trên đầu ? ¹⁰²

3. HOÀNG-DIỆU TỰ-ÀI

Một cơn gió thảm, mưa sầu,

Nấu-nung gan sắt, dài-dầu lòng son.

45. Chữ trung còn chút con con,

Quyết đem gửi cái tàn-hồn gốc cây.

Trời cao, biển rộng, đất dày,

Núi Nùng, sông Nhị, chốn này làm ghi. ¹⁰³

Thương thay, gặp buổi truân-nguy ; ¹⁰⁴

50. Lòng riêng ai chẳng thương-vì người trung. ¹⁰⁵

Rủ nhau tiền góp của chung,

Đem người lên táng ở *trong* Học-đường. ¹⁰⁶

Đau-đớn nhẽ ! Ngẩn-ngơ dường ! ¹⁰⁷

Tả-tơi thành-quách, tồi-tàn cỏ-hoa.

4. PHÊ-BÌNH CHUNG

55. Kể từ năm Dậu bao xa,¹⁰⁸
Đến nay tính đốt, phỏng đà mười niên.¹⁰⁹
Long-thành thất-thủ hai phen,¹¹⁰
Kho-tàng hết sạch, binh-quyền rời tan.¹¹¹
Đổi thay trái mấy ông quan,
60. Quyên-sinh *tựu nghĩa*, có gan mấy người ?¹¹²
Trước quan Võ-hiến Khâm-sai,¹¹³
Sau quan Tổng-đốc, một vài mà thôi.
Ngoài ra, *võ-giáp*, văn-khôi,¹¹⁴
Quan, bào, trâm, hốt, *nhác* coi ngỡ là...¹¹⁵
65. *Khi bình làm hại* dân ta,¹¹⁶
Túi tham mở rộng, chẳng tha miếng gì.¹¹⁷
Đến khi hoạn-nạn gian-nguy,¹¹⁸
Mắt trông *ngơ-ngáo*, chân đi gập-gềnh !¹¹⁹

5. CHÊ ĐỀ-ĐỐC LÊ-VĂN-TRINH

Võ như đề-đốc Lê-Trinh,
70. Cùng là chánh, phó lãnh-binh một đoàn.
Đang khi giao-chiến ngang-tàng,
Thấy quân hầu đồ vội-vàng chạy ngay.¹²⁰
Nghĩ coi thật đã ghê thay !¹²¹
Bảo-thân chước ấy, ai bày sẵn cho ?¹²²
75. Thế mà nghe *những mô-hồ*,¹²³
Rằng quan Đề-đốc *dưới* hồ Cửa-tây !¹²⁴
Kẻ rằng treo ở cành cây,
Kẻ rằng hắt dưới giếng này chẳng *chơi* !¹²⁵

Thăm tìm *tối lại hòa mai*,¹²⁶
80. Định rằng hợp-táng ở nơi Học-đường.
Hỏi ra, sau mới *tỏ-tường* :¹²⁷
Cũng loài úy-tử, cũng phường *tham-sinh* !¹²⁸
Phép công *nên bắt gia-hình*,¹²⁹
Rồi ra nặng *chữ* nhân-tình lại thôi.

6. CHÊ TUẦN-PHỦ HOÀNG-HỮU-XÚNG

85. Văn như tuần-phủ, nức cười !
Bình-Chi là hiệu, *năm mươi* tuổi già.¹³⁰
Biết bao cơm áo *nước nhà*,¹³¹
Kể trong sĩ-tịch cũng là đại-viên.¹³²
Chén son chưa cạn lời nguyên,
90. Nỡ nào bỗng-chốc quên liền ngay đi.
Lại còn quanh-quẩn làm chi ?¹³³
Hay là thương-tiếc vật gì ở đây ?¹³⁴
Hay là có chước bình Tây,
Trước kia hoảng-hốt, sau này nghiên-tinh ?¹³⁵
95. Hay còn *tiếc cái* xuân xanh,¹³⁶
Tìm nơi, kiếm chốn gieo mình trú chân ?
Hay là còn chút tứ-thân,¹³⁷
Đã toan tịch-cốc mấy lần lại thôi ?¹³⁸
Sao không biết xấu với đời ?
100. Sao không biết thẹn với người tử trung ?¹³⁹

7. CHÊ ÁN-SÁT TÔN-THẤT-BÁ

Kìa Tôn-Thất-Bá, niết-công,¹⁴⁰

Kim-chi, ngọc-điệp, vốn dòng tôn-nhân.¹⁴¹
Đã quốc-tộc, lại vương-thần,¹⁴²
Cũng nên hết sức kinh-luân mới là.
105. Nước non vẫn nước-non nhà,
Nữ nào *bán lẻ* một tòa Thăng-long !¹⁴³
Thế mà liệu đã chẳng xong,¹⁴⁴
Mặt nào còn đứng trong vòng lưỡng gian,¹⁴⁵
Tư-giao *rắp* những mưu gian,¹⁴⁶
110. Thừa-cơ xin dự hội-thương, ra ngoài.¹⁴⁷
Ấy mới *khôn*, ấy mới tài !¹⁴⁸
Lẩn đi tránh tiếng, giục người *nói quanh*.¹⁴⁹
Dâng công, quyền *lĩnh* tỉnh-thành,¹⁵⁰
Mà toan đổ tội một mình quan trên.¹⁵¹
115. Tội danh thật đã quả-nhiên,
Xin đem giao xuống Cửu-nguyên Chế-đài.¹⁵²

9. CHÊ BỐ-CHÁNH PHAN-VĂN-TUYỂN

Lân-la kể đến Phiên-đài,¹⁵³
Xỉ-ban *cũng đã tuổi ngoài* sáu mươi.¹⁵⁴
Thác *trong*, thôi cũng nên đời,¹⁵⁵
120. Sống thừa, chi để kẻ cười, người chê ?
Nhị-hà Tản-lĩnh đi về,¹⁵⁶
Giang-sơn tuyết chở, sương che cũng liều.

10. KẾT LUẬN

Còn như ti-thuộc hạ-liêu.¹⁵⁷
Kẻ công, người quá còn nhiều chan-chan.¹⁵⁸

125. Biết đâu cho *khấp* mà bàn,¹⁵⁹
Sau này *đã* có sử-quan thẩm-bình.¹⁶⁰
Trước *rèm*, gió mát, trăng thanh,¹⁶¹
Thừa-lương *nhân chốn nhàn-đình* thông-dong.¹⁶²
Xa trông tút-vút Bình-phong,¹⁶³
130. Chúc mừng vạn-thọ Thánh-cung lâu dài,¹⁶⁴
Rồi khi cá nước duyên-hài,¹⁶⁵
Ra tay khang-tế, đỡ tài kinh-luân.¹⁶⁶
Đã thánh-quân, lại hiền-thần,
Có đâu mà chẳng quân-dân thái-hòa.¹⁶⁷
135. Bấy giờ ta lại với ta,
Tĩnh say dật-hứng, ngâm-ngà tiêu-sầu.¹⁶⁸
Hà-thành văn vũ công hầu,¹⁶⁹
*Càng nghe thấy chuyện, càng rầu bên tai.*¹⁷⁰
Diễn ca chính-khí một bài,¹⁷¹
140. Để cho thiên-hạ *đời đời* khuyên răn.¹⁷²

III. ĐIỀU HOÀNG-DIỆU

1. BÀI ĐẦU

1. *Lâm đại-tiết bất khả đoạt dã.* ¹⁷³
Hoàng Chế-đài thật dạ kiên-trinh. ¹⁷⁴
Phú-lang-sa bội-ước công thành,
Việc thủ thổ, biết minh phận-sự. ¹⁷⁵
5. *Ngoại ung-dung, nhi nội phòng-ngự,* ¹⁷⁶
Nghĩ châu-phê, luống dụ-dự không đành. ¹⁷⁷
Bốn bề, tiếng súng nổ ùng-đoành,
Cơn thế bức, phải đem binh kháng-cự.
Trong bốn mặt, thần-oai mới thử,
10. *Lũ quần đầu biết mấy thứ dư-thi.* ¹⁷⁸
Bởi Tây-môn quân tướng bất-ki, ¹⁷⁹
Để nên nổi thành trì ngọ sự.
Đứng anh-hùng thị tứ như du, ¹⁸⁰
Về Võ-miếu mới định câu nhất-quyết. ¹⁸¹
15. *Liệt-nhật nghiêm-sương chiêu khí-tiết,* ¹⁸²
Nùng-sơn Nhị-thủy thụ cương-thường. ¹⁸³
Niệm trí-thân đà phải nghĩa với quân-vương, ¹⁸⁴
Chữ trung-liệt lại làm gương thiên-cổ.
Nào những kẻ thâm-sinh ngấm đó. ¹⁸⁵
20. *Mặt trần-trần có hổ với đời không ?*
Gẫm xem non Thái lông hồng ; ¹⁸⁶

2. BÀI THỨ HAI

1. *Thiên cổ lưu phương do kí tại,* ¹⁸⁷

Huy-hoàng chính-khí động giang-sơn. ¹⁸⁸

Quê Quảng-nam, họ gọi là Hoàng,
Ra Hà-nội làm quan tổng-đốc.

5. Tửu nhất hồ, thi nhất trực, ¹⁸⁹
Quyển thanh-liêm mà giáo-mục muôn dân, ¹⁹⁰
Chẳng qua là tạo-hóa xây vắn.

Nên xui khiến một lần sấm sét.

Chí Bạch-quỉ bội hòa đã quyết,

10. Đưa chiến-thư định giết một thành quân.

Nên phải cho tận đạo vi thần,

Đăng thành-diện, trần binh bố trận. ¹⁹¹

Đã một lúc cổ-thanh pháo chấn, ¹⁹²

Nào ai ngờ thế cận tương suy. ¹⁹³

15. Lòng kim-long sớm đã tiên-tri, ¹⁹⁴

Mặc áo mạo bước vào Long-diện. ¹⁹⁵

Tạ quân-vương dập đầu xuất huyết, ¹⁹⁶

Tấm trung-can đã quyết với non sông. ¹⁹⁷

Đường vinh-hoa xếp để bên lòng,

20. Sang Võ-miếu trút ra vòng tạo-hóa.

Cơ tự nghĩa gan vàng dạ đá, ¹⁹⁸

Lòng trung-trinh soi khắp cả nghìn phương.

Ấy cũng là một mối cương-thường, ¹⁹⁹

Cho những kẻ văn-chương theo cốt-cách.

Thơ rằng :

25. *Mãn triều đô thị thanh hồng khách,* ²⁰⁰

Báo quốc vong thân độc nhất quân. ²⁰¹

Gấm xưa nay chưa dễ mấy lần,

Đã được mấy trung-thần như thế ấy.
Nên cần bái trời xanh soi thấy, ²⁰²
30. Vận lâm nguy thì cứu lấy trung-thần.
Làm nêu cho khách sự quân. ²⁰³

3. BÀI THỨ BA

1. *Ngô nhân khoa hoạn phùng thời dĩ,* ²⁰⁴
Thần tử thung-dung tự nghĩa nan, ²⁰⁵
Quan Hà-Ninh tổng-đốc họ Hoàng.
Cơn thảng-thốt vững-vàng gan sắt đá. ²⁰⁶
5. Giận bạch-quỉ không tuân vương-hóa, ²⁰⁷
Mang chiến-thư ra dạ bội hòa. ²⁰⁸
Giữ cô-thành một trận xông-pha, ²⁰⁹
Có Nùng-lĩnh, Nhị-hà soi chính-khí.
Thành-thượng hồng-kỳ huy chiến sĩ, ²¹⁰
10. *Quân-trung hỏa-pháo xạ Dương-di,* ²¹¹
Trong thành, quân Tứ chính, Tứ-kì, ²¹²
Mà tượng mạnh như hùng, như hổ.
Tiếng pháo động trong thành, ngoài phố,
Trận giao-phong Tây-lộ hàn tâm. ²¹³
15. Vị tả-binh phản-dụng mưu thâm, ²¹⁴
Làm nội-biến, đem lửa châm kho thuốc.
Quan Hoàng-tướng trong thành biết trước,
Có một mình vì nước, vì dân.
Cờ tranh-phong còn cắm trong quân, ²¹⁵
20. Thương thay nhẽ thần-long thất thế ! ²¹⁶
Nhân sinh tự cổ thù vô tử, ²¹⁷

Tử ư quốc-sự, tử cương-thường. ²¹⁸
Lòng xem khinh tên đạn một trường,
Lấy danh-tiết lưu phương làm trọng. ²¹⁹
25. Khi biện tử, tới Hành-cung bái vọng, ²²⁰
Lạy vua rồi ra Vũ-miếu đỡ kinh luân, ²²¹
Làm gương cho khách quan-thân. ²²²

*

NHỮNG DỊ-ĐIỂM TRONG CÁC BẢN

Bài thứ ba trên đây là tôi phiên âm bản nôm cũ mà tôi đã gọi là bản B. nay còn bản A, do Trương-Vĩnh-Ký chép lại, nhưng bản này bỏ mất đoạn từ vế 9 đến vế 20, cộng 12 vế. Không hiểu vì lẽ gì. Có lẽ vì hai vế 15-16 nói lính công-giáo phản và đốt kho thuốc súng chẳng ? Nhưng, những bản khác còn lại như bài ông Nguyễn-Tường-Phượng đăng ở báo Tri-Tân số 183 cũng bỏ mất đoạn ấy. Vậy có lẽ tác-giả hay người khác đã bỏ từ lúc đầu. Ngoài sự bỏ 12 vế, hai bản kia (A và bản Tri-Tân mà tôi gọi tắt là F còn chép một vài chữ như sau :

- Câu 4 « vững-vàng » : (A) *bền*.
- Câu 6 « mang », (A) (F) *đem*.
- Câu 22 « lấy danh-tiết lưu phương » : (F) *tử danh-tiết lấy lưu-phương*.
- Câu 26 « đỡ » : (F) *xếp*.
- Câu 27 « quan thân » : (F) *biển-thân*.

4. VÕ-TRỌNG-BÌNH ĐIỀU

Trọng-Bình bấy giờ làm tổng-đốc Định An (Nam-Định

Hưng-Yên). Đầu năm sau (1883), Pháp đánh lấy Nam-Định. Trái với lời thề trong thơ, ông không liều chết. Bị cách, đời Hàm-nghi Đồng-khánh ông lại được phục-chức thượng thư.

Hán văn (Trích ở sách Tạp-ký) :

Bình-sinh trung-nghĩa đối thanh-thiên,
Nhất đán phi-thường thể sử-nhiên.
Chính-khí cao tiêu Nùng-lĩnh thượng,
Cô-hồn tiềm dẫn Thánh-nhan tiền.
Quân năng bất phạt Tây-dương pháo,
Ngã diệc khởi dung Phú-lãng thuyền.
Thệ bất câu sinh quân dữ ngã,
Anh-hùng thành bại nhất tâm kiên.

Dịch :

*Bình-sinh trung nghĩa đối thương thương (trời xanh),
Bổn-chốc xui nên thể dị thường.
Nùng-lĩnh chon-von gương chính-khí,
Cô-hồn phảng-phất mặt quân vương.
Ông không chút sợ súng Phú Lăng,
Tôi há đâu dung tàu Tây dương.
Tôi với ông thề không sống nhục,
Anh-hùng thành bại chí đều cương.*

5. SĨ-TỬ HÀ-THÀNH ĐIỀU

Hán-văn (Trích ở sách Tạp-ký) :

Cô-thành độc-thủ chích thân đan,
Khảng-khái như công thể sở nan.
Cựu-lục thiên thu truyền liệt-tiết,

Cô-thần nhất tử kiến trung-can.
Thâu sinh thử nhật tâm do qui,
Nghịch-tặc đương niên cốt dĩ hàn.
Thiên tải Nùng-sơn tiêu chính-khí,
Anh-hùng đảo xứ lệ tương can.

Dịch :

*Cô-thành chống giữ một mình thôi,
Khảng khái như ông được mấy người.
Cựu-lục nghìn năm gương tiết dội,
Cô-thần một chết tấm trung phơi.
Thâu sinh ngày nọ tâm còn thẹn,
Nghịch-tặc năm nay sợ rùng-rời.
Nghìn thuở Nùng sơn nêu chính khí,
Anh hùng đến thế, lệ cùng rơi.*

6. NGÔ ĐẠI-NHÂN ĐIỀU

Ở phường Kim-cổ. Có lẽ là người đã chủ-trương việc mua quan-tài và đem Hoàng-Diệu ra tạm táng ở Học-đường.

a) Hán văn (Trích ở sách Giai-văn tập-ký) :

Sử nhân giai Tiên-sinh,
Hà-thành hà chí bỉ.
Duy nhân bất Tiên-sinh,
Hà-thành cố nãi nhĩ.
Công sinh hữu tử-tâm,
Công tử hữu sinh-khí.
Thị-phi công-luận gian,
Yên túc vi công lụy.

Dịch :

*Nếu ai cũng như ông,
Hà-thành đâu đến thế.
Vì ai cũng khác ông,
Hà-thành nên thế ấy.
Ông sinh sẵn tử-tâm,
Ông chết còn sinh-khí.
Thị phi người ta bàn,
Sao đủ làm ông lụy.*

b) Hán văn (Trích ở sách *Giai-văn tập-ký*) :

*Sinh ư khoa-hoạn tử cương-thường,
Sinh bất hư-sinh, tử bất phương.
Bất hữu Tây-dương đương nhật sự,
Thùy tri Hà-Ninh tổng-đốc Hoàng.*

Dịch :

*Sinh thì khoa-hoạn, chết cương-thường,
Sinh chẳng hư-sinh, chết vẻ-vang.
Ví việc Tây-dương này chẳng có,
Ai biết Hà-Ninh tổng-đốc Hoàng.*

7. TRẦN ĐÌNH-TÚC ĐIỀU

*Làm tổng-đốc Hà-ninh sau khi Nguyễn Tri-Phương mất,
và làm Khâm-sai sau khi Hoàng-Diệu mất.*

Hán văn : Chế-khốn thập dư niên, sự đồng thế dị ; Cô-thành thiên lý ngoại, can khổ tâm cam.

Dịch : Tôi coi trọng trấn trước mười năm, sự đồng thế

khác ; Ông giữ cô-thành ngoài ngàn dặm, gan đặng lòng cam.

8. HOÀNG HỮU-XỨNG ĐIỀU

Làm tuần-phủ Hà-nội, sau khi thành mất có nhin đói ba hôm.

Hán văn : Trinh tai tiết độc khổ ! Như Công diệc viết tận tâm yên ; thị phi hữu Triều-đình thật luận ; Qui hĩ chí bất quả ! Ư ngã phương tri năng tử dã (giả) ; cổ kim vi thiên-hạ tối nan.

Dịch : Kiên-trinh thay ! một mình giữ trọn tiết, đến Ông cũng đã hết lòng ; phải trái có triều-đình cân-nhắc ; Hồ-thẹn vậy ! Liều thân không toại-chí. Như tôi mới hay nên chết ; xưa nay việc thiên-hạ khó-khăn.

IV. HÀ-THÀNH THẤT-THỦ ÁN

1. TỔNG VỊNH

Trái phá Tây chăm chực bắn vào,
Chỉ không cho đánh biết làm sao.²²³
Ngọn cờ tướng-lệnh oai-linh gượng,
Chén rượu Đông-môn khảng-khái phào.²²⁴
Uất-khí Nùng-sơn cây muốn cựa,²²⁵
Thương-tâm Nhị thủy sóng tranh xao.²²⁶
Dặng hoa Võ-miếu rơi thơm mãi,
Sống trộm ghê trông thẹn biết bao.

2. HOÀNG-DIỆU²²⁷

Khảng-khái ai hơn Đốc-bộ Hoàng,
Khăng-khăng dạ sắt với gan vàng.
Bóng chiều khó lẽ đem về ngộ,²²⁸
Đáy (nợ ?) nước xin đền một nắm xương.
Võ-miếu cây treo dây tiết nghĩa,
Nùng-sơn đá tạc chữ cương-thường.
Thành năm Quý Dậu nào ai trách,²²⁹
Chính khí nào ai thẹn tuyết-sương.

3. QUAN TUẦN

Thành-hạ quan Tuần phải buổi se,²³⁰
Sân-rồng phục vị chỉ ngồi nghe.²³¹
Quyên-sinh lại nghĩ thân còn vướng,
Nhứt-quyết nhiều khi mắt đỏ hoe.²³²

Ba bữa không cơm đành uống giân,
Mấy phen ép cháo cũng ăn dè.²³³
Giảng hòa nghe tiếng mừng mê-mẩn,
Một đình-đình-đình chuyện bé mè !

4. QUAN TUẦN

Thiên-oai mới thấy bộ ban ra,
Con mắt bây giờ mới sáng lòà.
Quyền khéo vuốt đuôi xui cảnh-mộ,²³⁴
Ngài hay lên mặt rủ Tây hòa.
Chiếu liễn...²³⁵
Xiềng sắt...
Càng bịch đều ra càng thấy ruột,
Trương Tùng lớp trước cũng phường ta.²³⁶

5. QUAN BỐ

Cửa-đông tiếng súng nổ ùng-đoành,
Quan Bố mau chân đã trệt thành.²³⁷
Chỉ cái non gan mà bất học,
Chăm câu già chạy để thâu sanh.²³⁸
Xui lòng Hoài-đức lây thêm ghét,
Gớm mặt Sơn-tây muốn dứt tình.
Quan lại có đâu mà tẻ thể !
Ngàn thu một tiếng để lưu danh.

6. QUAN BỐ

Đường-đường đại-tĩnh mặt phiên-đài,²³⁹
Nhĩ-mục trông vào há phải chơi.

Đứng chốn can-thành nghe cũng cực,²⁴⁰
Tối trong đại-tiết nữ nào rời.
Làm trai sinh-tử coi như bõn,
Đến cuộc phong-ba phải khác người.
Gặp lúc chết thơm mà sợ chết,
Trụt thành sống để dựng bia cười.

7. QUAN ÁN

Biết trước tin nên kéo lảng ngoài,
Hạ thành ba bữa vống tìm Ngài.
Một ngọn long-phi cờ đã cắm,
Bốn bề lô-phục đất còn khơi.
Tri-kỉ, người Tây huy-biểu thật,
Mưu thân, quan Án rõ-ràng tài.²⁴¹
Càng hay Tôn-thất, Tây càng dụng.
Tổng-đốc phen này hấn chẳng sai.

8. QUAN ÁN

Tỉnh ta quan Án được Tây thương,
Bảo trước đi ra đủ mọi đường.
Nhận lấy tờ thư cho ngoại-tỉnh,
Tìm nơi nằm núp ẩn... nường.²⁴²
Thẳng về Nhân-mục thuê làm sớ,
Hẹn với thông Phong lúc xuống Trường.²⁴³
Kể nổi mưu thâm đà thật khéo,
Phải liều khi-trá với quân-vương.²⁴⁴

9. QUAN ĐỀ

Nhắc cân Thái-lĩnh với hồng-mao,²⁴⁵
Hứa quốc quan Đề khảng khái sao !²⁴⁶
Thắt cổ tay còn bưng lấy chạc,²⁴⁷
Trầm mình đầu lại gối lên cao.
Rờ lưng tìm thuốc rơi đâu quách,
Tuốt vỏ gươm ra cắt chẳng vào.
Tứ bất-tử rồi ngư-ngẩn mãi,²⁴⁸
Quày theo quan Ân trở đường nào ?²⁴⁹

PHỤ LỤC

1. DI-BIỂU CỦA HOÀNG-DIỆU

« Trần-tình biểu »

« Tôi, học-vấn thô-sơ, ủy-dụng rất lớn. Được giao-giữ một phương đất nước, gặp phải khi bờ-cõi chưa yên. Một kiếp thư-sinh, chưa từng quen lo biên-sự ; mười năm thương-ước, thế nào tin được địch-tâm.

« Tôi từ khi chịu mệnh đến nay, đã được ba năm. Huấn-luyện giáp-binh, sửa-sang thành trại. Ấy chẳng những lo-toan củng-cố bờ-cõi, mà cũng là phòng-bị lòng chúng sàilang.

« Nào ngờ : tổ chim vừa rào, lòng thú gây biến. Tháng hai năm nay, bốn hỏa-thuyền Phú (Pháp) về tụ-tập, các đồn binh chúng thêm nhiều quân. Quân kia xa lại, lòng dân nôn-nao.

« Tôi trộm nghĩ rằng Hà-thành là đất cuống họng của Bắc-kỳ, lại là khu yếu-hại của bản-quốc. Nếu một ngày tan-tành như đất lở, thì các tỉnh lần-lượt mất như ngói bong. Tôi lấy làm lo. Khấn-tư các hạt, tâu lên Triều-đình. Xin cho thêm binh, may sớm kịp việc.

« Thế mà chiếu-thư mấy lần ban xuống, quở tôi việc đem quân dọa-dẫm, bắt tôi tội chế-ngữ thất-thời. Kính đọc lời dạy, thấy rất nghiêm-khắc. Quan dân thất-vọng, tiến thoái lưỡng nan.

« Rất hay rằng tự-quyết không tài, há giữ nghĩa đại-phu

ra cũi ; đành tự lấy dây răn làm sợ, từng kính lòng cổ-nhân thờ vua. Hằng ngày, với một hai đồng-liều bàn-nghị. Kẻ thì bảo nên mở cửa, cho nó mặc ra vào ; kẻ thì bàn hãy triệt binh, để nó thôi nghi-ky. Những việc như thế, thì dầu phải tan xương nát thịt, tôi không nỡ lòng làm.

« Thu-xếp chưa quyết, nó đã bội hòa. Ngày mồng bảy tháng này, trước hạ chiến-thư, ngày sau đánh gấp ²⁵⁰. Quân giặc leo như đàn kiến, súng giặc nổ như sấm ran. Ngoài phố cháy lan, trong thành khí mất. Mà tôi, gượng bệnh ra sức đánh, đi đầu trước quân binh. Bắn chết hơn trăm, liều giữ nửa buổi.

« Nó đủ, ta kiệt ; viện tuyệt, thế cùng. Vũ-biễn thì sợ giặc mà chạy hàng đàn, văn-thần thì ngóng chừng mà tan cả lũ.

« Lòng tôi như cắt, một tay khôn cầm. Tướng-lược không tài, tự nghĩ sống là vô-ích ; thành mất chẳng cứu, ví bằng chết cũng chưa đền. Dem thân định quyền sinh, không thể học Tào Mạt hay dọa địch ; theo cổ đền trách-nhiệm, chỉ mong theo Trương Tuần chết giữ thành.

« Giám đầu trung-nghĩa gọi là, chỉ vì sự-thế bắt-buộc. Đất trung-thổ trở nên địch-địa, sống then cùng phường nhân-sĩ Bắc-hà ; lòng cô-trung thề với Long-thành, chết mong theo Nguyễn-Tri-Phương dưới đất.

« Mấy hàng huyết-lệ, muôn dặm quân-môn. Nguyệt ánh-sáng nhật nguyệt soi tỏ tấm lòng son của tôi mà thôi.

« Tự-Đức năm thứ 35, ngày mồng tám tháng tư ».

*

CHÚ-Ý :

Bài biểu này nguyên bằng Hán-văn, viết theo lối tứ-lục, gồm từng hai câu đối một, trừ một vài câu ngắn ở đầu tiết hay cuối bài. Tôi gắng dịch theo văn lối ấy.

Tôi đã theo một bản chép cũ. Hiện nay tôi chưa có bản khác để so-sánh. Vả sách Đại-Nam Thập-lục cũng không hề nói đến di-biểu ấy.

Mà sự so-sánh ấy rất cần. Vì nó có thể giải-quyết một câu-hỏi mà tôi nêu ra, là bài di-biểu này có thật của Hoàng-Diệu viết ra, hay là của người khác viết thay cho ông sau khi ông đã mất.

Có sự nghi ngờ ấy, là bởi trong bản của tôi cũng như trong bản mà ông Khuê trai đã dùng trong bài Hoàng-Diệu đăng báo Tri-Tân số 182, đều chép lầm ngày Pháp hạ chiến-thư. Các bản ấy đều chép : « Bản nguyệt sơ thất nhật, tiên hạ chiến-thư, thứ nhật cấp kích », nghĩa là ngày mồng BẢY tháng này, trước hạ chiến-thư, ngày sau đánh gấp. So với lời thông Phong đã kể rõ-ràng trên, so với sách Đại-Nam Thập-lục và so với chính lời của Henri Rivière trình về Pháp (xem bài sau), thì chép thế là sai.

Hoặc giả những bản biểu quả thật chép sai như vậy, thì chắc-chắn rằng không phải Hoàng-Diệu viết ra, vì không lẽ gì mà ông vẫn tỉnh-táo viết được bài văn tứ-lục, mà quên việc mới xảy ra lúc buổi sáng ngày.

Hoặc-giả những bản biểu có thật, nhưng do một người nào đã sao lầm từ trước. Sự lầm ấy có thể xảy ra như sau : Nguyên văn hai câu « *Tiên hạ chiến-thư, thứ... cấp-kích* »

cân-đối nhau. Chữ « *tiên* » là trước hay đầu, chữ « *thứ* » là sau. Chữ « *hạ* » là một động-tự, thì chữ thứ hai trong vế dưới cũng là một động-tự, ví dụ như chữ « *tiến* » chẳng hạn. Những kẻ sao vô-ý, nên chép thành « *thứ nhật* », nghĩa là ngày sau. Nhưng như thế là sai ngày đánh Hà-nội. Cho nên sau có kẻ lại phải chữa ngày hạ chiến-thư là ngày mồng bảy, để cho ngày mất thành trở nên đúng.

Đó chỉ là một giả-thuyết mà thôi. Phải có thêm tài-liệu mới giải-quyết được điểm ngờ này.

2. DỤ KỂ CÔNG TỘI

Sau đây là lời vua khen Hoàng-Diệu và kết tội các viên khác :

« Tự-Đức năm thứ 35, ngày mồng 10 tháng 5.

« Nội-các-thần là Tôn-Thất-Sâm, Tạ-Thúc-Dĩnh, Lê-Đại-vâng lời thượng dụ như sau :

« Trung-ngĩa là tiết lớn của nhân-thần ; thưởng-phạt là quyền to của nhà nước. Có công không thưởng, có tội không răn, thì dầu đến các đấng Nghiêu Thuấn cũng không hóa được thiên-hạ.

« Gần đây, Hà-thành có việc. Tổng-đốc Hoàng-Diệu đã thề cố-thủ, có chết cũng không đổi chí. Các bầy-tôi cùng coi thành lễ ra phải đồng tâm nỗ lực, bám thành huyết-chiến, chết cũng không rời. Thế mới hợp với nghĩa trí-thân.

« Thế mà, tất cả khiếp-nhược, không giữ trọn nghĩa. Trong khi thành mất, chỉ một mình Hoàng-Diệu tận-trung tử-tiết mà thôi. Rất đáng khen.

« Đến như bọn Lê-Văn-Trinh, Phan-Văn-Tuyển, Lê-Trực, Hồ-Như-Phong, Nguyễn-Đình-Đường, đều là những viên cao cấp trong một tỉnh. Thế mà sợ chết tham sống, bỏ thành trốn chạy.

« Phan-Văn-Tuyển lại trốn trước, chạy lên Sơn-tây. Sự làm ấy tỏ lòng hèn-nhát, hoảng hốt không kể xiết.

« Hoàng-Hữu-Xứng tuy ốm không ra khỏi thành, nhưng cam tâm chịu nhục, không biết sống chết với thành. Kẻ nhân-thần phải lấy thân báo nước ; sao mà lại như thế ?

« Tôn-Thất-Bá, tuy ra trước để thương-thuyết, nhưng trong khi gây sự, không trở lại giữ thành. Mà sau, lại không hay kết-hợp binh-dân, để liệu sự một cách chính-đáng. Trái lại, cùng chúng điều-đình dai-dẳng để thoát một cách láu-lỉnh.

« Những kẻ bấy tôi giữ cõi, khi gặp nạn, sao lại cầu-thả như thế. Như vậy thì trước đây, tranh biện với nước kia, làm sao bênh được quyền-lợi của nước.

« Vậy phải kể rõ tội-danh để khuyến-lệ thần-tiết.

« Bọn Hoàng-Hữu-Xứng, thì trước hết phải giải chức, giao cho các viên-chức mới, là tổng-đốc Trần-Đình-Túc, tuần-phủ Nguyễn-Hữu-Độ, bổ-chánh Hoàng-Hữu-Thường, thông-biện Vũ-Nhữ, một mặt bắt giải về Kinh, một mặt cứu-minh rồi tâu về, để làm rõ hình-pháp.

« Còn dư những bọn thuộc-viên, tỉnh-thành thủ-úy, phòng thủ-úy, quản-cơ, suất-đội, thì đều có trách-nhiệm cầm quân ngử-thủ. Đã không hay ra sức giết giặc, mà lại còn đem

nhau chạy trốn. Không có một người nào tử-tiết cùng chủ-tướng. Thật rất đáng giận.

« Lại các viên-chức hàng văn, như tri-phủ, tri-huyện, kinh-lịch, thông-phán, hoặc có kẻ giữ đất, hoặc có kẻ giúp việc. Trong hạng này cũng có kẻ khá, có kẻ dở khác nhau. Trước sau chúng đã giúp việc Hoàng-Diệu ra sao, thì phải cứu-minh các sự-trạng cho rõ sự thật. Hãy lập-tức tâu về, sẽ có chỉ ban riêng khen hay quở.

« Lại sao các hồ-sơ, giao cho kinh-lược-sứ Nguyễn-Chinh duyệt rõ. Nếu có điều dối hay sót, thì giao cho kinh-lược-sứ xét lại, rồi tâu lên, để cho công-bình.

« Kính đấy ! »

*

CHÚ-Ý : Bài dụ này là dịch theo một bản chép cũ. Trong sách *Đại-Nam-thực-lục*, cũng có chép lại một phần lớn lời này (kỷ 14, quyển 67, trương 36b). Sách ấy lại chú-thích rằng tháng 11 năm Tự-Đức thứ 36 (1883), đình-nghị đem Hoàng-Diệu thờ ở đền Trung-nghĩa ; bọn Hữu-Xứng thì phải cách, nhưng cho lập công chuộc tội (sau đó lại lượng-thứ và cho khai-phục), trừ Phan-Đình-Tuyển, thì phải cách về làng làm dân. Hai con Hoàng-Diệu ra đem quan-tài cụ về táng ở làng. Vua Tự-Đức ban cho một nghìn quan tiền để cấp cho mẹ ông.

3. TỐI-HẬU-THƯ

Henri Rivière gửi cho Hoàng-Diệu : Bức thư này giữ ở « tài-liệu Tham-mưu-cục », và đã in trong cuốn Hoàng-thư thuộc loại việc Bắc-kỳ. Lời-lẽ bức-thư này thế nào, độc giả

đọc lên sẽ tự cảm thấy :

« Hà-nội, ngày 25 tháng 4 năm 1882.

« Quan tư Rivière gửi cho quan tổng-đốc Hà-nội.

« Liền sau khi tới đây ²⁵¹, tôi đã nhờ người ²⁵² nói, và tôi đã viết thư cho Ngài, kể rõ ý-định sở-dĩ nước Pháp phái quân đến Hà-nội. Nước Pháp muốn có thể khá hơn để che-chở kiều-dân Pháp và những người Pháp qua lại, khỏi bị quân Cờ-đen đe-dọa. Những hành-động ấy chỉ có tính-cách thân-thiện và hợp với điều-ước giao-kết với chính-phủ Đại-nam.

« Ngài đã trả lời cho tôi một cách thế nào ? Bằng cách ngờ-vực và kình-địch. Hôm sau ngày chúng tôi tới, Ngài sai đóng cửa thành khi sĩ-quan chúng tôi muốn vào thành ; thế mà ngày hôm trước họ còn tự-do đi qua thành. Trong cuộc tôi tới thăm Ngài ²⁵³, tôi đã nhã-nhận phản đối những quyết-định ấy. Thế mà Ngài cũng không đổi. Ngài lại không đáp lễ thăm tôi. Ngài liền bắt đầu xây dựng những tạo-tác phòng-thủ, mà càng ngày Ngài càng tăng ráo-riết, và không giấu-giếm, để rõ-ràng cho chúng tôi thấy.

« Khi quan Bồ, rồi quan Án tới thăm tôi, chỉ cách nhau vài ngày, tôi đã hai lần nhờ về nói với Ngài rằng tôi không thích nhìn thấy những tạo-tác ấy trên thành. Đó là tôi đã cảnh-cáo một cách hòa-nhã. Ngài đã không đếm-xỉa tới lời cảnh cáo ấy, và lại càng tiếp-tục những tạo-tác một cách rộn-riپ hơn trước.

« Thưa quan Tổng-đốc, sự-tình này không thể kéo dài được nữa. Thành có thể trở nên nguy-hiểm cho quân-lính chúng tôi. Chúng tôi phải trừ-khử vật nguy-hiểm ấy.

« Bây giờ, hãy nghe những lời tôi sẽ nói với Ngài. Những đề-nghị mà tôi sẽ đưa cho Ngài là một cách dàn-hòa, để cho sự bất-bình giữa hai chính-phủ không trở nên nghiêm-trọng. Tôi đề-nghị với Ngài hãy nộp thành cho tôi, với những điều-kiện mà tôi sắp kể sau. Hôm nay, và lập-tức sau khi nhận bức thư này, Ngài hãy ra lệnh cho binh-sĩ bỏ thành, sau khi để lại những súng-ống ; mở các cửa ra, và để đảm-bảo rằng mệnh-lệnh ấy sẽ được thi-hành. Ngày hã, lúc đúng 8 giờ sáng, quan-bổ, quan-án, quan đề-đốc, chánh-lĩnh-binh, phó-lĩnh-binh.

« Kỳ-hạn ấy là ngặt. Nhưng từ khá lâu nay, Ngài đã tiên-đoán những kết-quả của tình-hình ở đây, cho nên chắc Ngài không lấy đó làm lạ. Vậy, tôi sẽ đợi Ngài ở nhà tôi, lúc 8 giờ sáng. Quân của tôi, sẽ theo lời thừa-nhận của Ngài, chiếm lấy thành, mà không bị sự gì chống lại. Tôi sẽ tự chọn những cách thuận-tiện để làm cho thành từ rày không có thể làm hại đến binh-lính chúng tôi. Công việc ấy sẽ mất chừng ba ngày. Nhưng khi xong rồi, tôi hứa sẽ trả lại cho Ngài, thành với kho-tàng, công-thự, nhà ở, và một phần bờ thành. Sự cai-trị trong tỉnh sẽ không thay đổi, mà tỉnh vẫn thuộc Hoàng-đế Đại-nam. Chỉ có thành, thì tuy rằng vẫn là của Ngài, nhưng sẽ thôi không là một vật khiêu-khích chúng tôi nữa.

« Nếu Ngài nhận những điều-kiện ấy, thì sự hòa-hảo sẽ trở lại giữa chúng ta. Và sự Ngài tới Lãnh-sự-quán, đúng lúc 8 giờ, sẽ chứng-tỏ rằng Ngài muốn hòa-bình và hòa-thuận. Nhưng nếu đúng 8 giờ, Ngài không thân-hành đến Lãnh-sự-quán với tất cả những viên quan đã kể trên, để nói cho tôi

biết rằng Ngài đã nhận những điều-kiện của tôi, thì quân tôi sẽ lập-tức tấn-công thành ».

4. TỜ TRÌNH CỦA H. RIVIÈRE VỀ VIỆC ĐÁNH HÀ-NỘI

Trong tờ di-biểu trên, ta đã thấy kể qua-loa về việc này, theo mắt một người ta. Về phương-diện Pháp, có tờ trình của H. Rivière gửi về cho bộ Thủy-quân, nói rất rõ về duyên-cớ, sự định-tâm, sự sửa-soạn và sự tấn-công của quân Pháp. Sau đây tôi dịch từng đoạn, và tóm-tắt những đoạn kia :

« Hà-nội, ngày 27 tháng 4 năm 1882.

« Trình Đô-đốc Jauréguiberry, bộ-trưởng bộ Thủy-quân và Thuộc-địa.

« Liền sau khi tới Hà-nội, tôi nhận thấy các quan trong thành đã sửa-soạn những tạo-tác phòng-ngữ, một ngày một nghiêm. Tôi cũng sửa-soạn để hành-động ».

H. Rivière liền cho chở binh-sĩ, khí-giới, đạn-dược từ Hải-Phòng lên. Bấy giờ ở Hải-phòng có bảy tàu thủy :

« Tôi vừa sửa-soạn, vừa kháng-nghị với quan Tổng-đốc về việc phòng-thủ thành, nhưng một cách hòa-nhã. Tôi cũng không cố-nài lắm, vì nếu tôi cố-nài, thì tôi bắt-buộc phải hành-động ; mà tôi lại muốn tụ-tập đủ mọi phương-tiện trước khi hành động ».

Ngày 24 tháng 4, quân đến nơi. Có 450 quân thủy-xạ, 20 thủy-pháo-binh, 3 đại-bác 40 ly, 20 lính bản-xứ, 130 thủy-binh, 1 đại-bác 120 ly. 1 đại-bác 40 ly để sẵn ở Đồn-thủy, và 4 đại-bác 40 ly mới đem thêm sau nữa :

« Rồi thì tôi gửi tối-hậu-thư cho viên Tổng-đốc. Tôi gửi lúc 5 giờ sáng, và chỉ cho y 3 giờ để trả lời. Kỳ-hạn ấy ngặt, như tôi cũng nói trong tối-hậu-thư, nhưng y đã sửa-soạn chống ta trong khá lâu, cho nên y không thể lấy làm ngạc-nhiên. Vào khoảng bảy rưỡi, y sai người xin thêm hạn một ngày. Ý tôi là không cho. Và tôi cũng không cần trả-lời, vì kẻ mang thư tới, liền bỏ đi mất. Lúc 8 giờ, là giờ cuối mà tôi đã hẹn cho viên Tổng-đốc, y không tới. Vậy chỉ có cách hành-động ».

Kế-hoạch định trước và được thi-hành là như sau. Từ 8 giờ 15 đến 10 giờ 15, đại-bác các chiến-thuyền bắn. Cho đến 9 giờ 15, thì cốt bắn vào cửa Bắc và khoảng thành từ cửa Bắc đến pháo-đài góc Tây-bắc. Trong lúc ấy, thì một toán quân nhỏ tiến đến gần cửa Đông và bắn trái phá vào đó để lừa bên địch. Còn đại-quân thì đi theo bờ sông, từ Đồn-thủy đến trước cửa Bắc, nấp sau cây và nhà lá. Sau 9 giờ 15, quân lại áp thành phía góc Tây-bắc. Đại-bác bắn xa vào trong thành, nhằm các dinh trại, kho-tàng.

Bấy giờ, một phát bắn vào kho thuốc, kho ấy nổ. Đại-bác ngừng bắn lúc 10 giờ 15. Còn lính thì bắc thang tre dài 6 mét, trèo lên thành phía góc Tây-bắc. Lúc lên trên đỉnh thành thì tiến đến cửa Bắc. Trong lúc ấy, chủ-lực-quân tiến sát đến cửa Bắc để phá cửa. Quân giữ cửa bỏ chạy. Thành bèn mất :

« Ta có bốn người bị thương, thiếu-tá De Villers bị thương ở đầu gối từ lúc đầu. Bên An-nam, ta đếm được 40 xác chết và 20 bị thương. Số bị-thương phải nhiều hơn thế lắm. Nhưng đứa nào chạy được thì đã chạy cả rồi ».

Ngày 30 tháng 4 năm 1882 :

« Buổi sáng ngày 26 tháng 4, chúng tôi được tin viên Tổng-đốc đã tự-ải. Viên ấy là một người điềm-đạm và cương-quyết ²⁵⁴. Ông tự-tử như vậy là lợi cho ta. Tính can-đảm và ảnh-hưởng của ông có thể gây khó-khăn cho ta, nhất là sau khi ông sẽ liên lạc với « Hoàng-thân Hoàng » (tức là Hoàng-Kế-Viêm) còn đóng ở Sơn-tây ». ²⁵⁵

Lấy xong thành, H. Rivière cho tịch-thu sở Thương-chánh, và kho-tàng trong thành. Lại sai ném súng đại-bác trên thành xuống hào, phá các cửa thành, và phá một vài khoảng thành. Quân Pháp đóng tại điện Kính-thiên, và đổi điện thành một pháo-đài kiên-cố. Sau này các quan ta điều-đình mãi mà cũng không khi nào Pháp chịu trả nữa.

5. HOÀNG HỮU-XỨNG VÀ TÔN-THẤT-BÁ

Trong các chuyện đáng buồn xảy ra trong vụ Hà-nội mất lần thứ hai, buồn nhất là chuyện Tôn-Thất-Bá.

Bá được H. Rivière mời về, điều-đình trả thành cho. Vì Bá không phải quan đầu tỉnh, nên Pháp ép quan tuần Hoàng-Hữu-Xứng dự cuộc thương-thuyết. Hữu-Xứng ngượng-ngùng nghe theo. Còn kẻ chủ-mưu là Bá. Về đoạn này, trong sách *Đại-nam thật-lục* (quyển 97, kỷ thứ 4) chép rõ. Lời chép như sau :

« Bấy giờ nước Phú (Pháp) phái binh-thuyền thêm đến bến Cơ-xá, và hằng ngày khiêu-khích. Hằng ngày, Phú sai binh mang khí-giới qua lại ngoài thành, thanh-ngôn sẽ vào thành đóng. Diệu phòng-bị nghiêm-ngặt. Phái-viên Phú đòi

phải triệt-phá những việc phòng-ngũ ấy. Diệù không chịu. Rạng ngày mồng 8, người Phú sai đem chiến-thư tới. Diệù ủy cho án-sát Tôn-Thất-Bá ra thành thương-thuyết. Bá vừa ra khỏi thành, thì binh Phú đã bắn bức thành. Diệù và tuần-phủ Hoàng-Hữu-Xứng chia quân đốc-cự hồi lâu. Quân ta và quân Phú đều có bị thương chết. Bổng-chốc kho nổ cháy. Quân trở nên loạn. Quân Phú bắc thang trèo lên thành. Thành bèn mất. Cự nhau từ giờ Mão đến giờ Mùi.

« Diệù rẽ qua đám loạn-binh. Một mình tới trước đền Quan-công. Đền ở trong thành lớn, nhưng ở ngoài thành ngăn. Diệù thắt cổ ở dưới một cây lớn. Đề-đốc Lê-Văn-Trinh, bố-chánh Phan-Văn-Tuyển, lãnh-binh Lê-Trực, phó-lãnh-binh Hồ-Văn-Phong, Nguyễn-Đình-Đường đều chạy, trèo thành ra ngoài. Bấy giờ, Hữu-Xứng tìm hỏi Diệù, thì không biết Diệù ở đâu. Y bèn vào thêm bên tả Hành-cung. Một lát sau, phái-viên Phú bắt giam. Phái-viên dỗ Hữu-Xứng một cách lễ phép, nhưng Hữu-Xứng không chịu khuất, mắng lại. Nhưng y cũng không chịu giết. Y bèn sai đem về dinh Tuần-phủ mà giam đó.

« Xong rồi, phái-viên Phú đòi Bá về (Bá nguyên chạy vào làng Nhân-mục), để giao tình-thành. Bá tới cùng Hữu-Xứng hết sức bàn-cãi để tạm nhận lấy. Trước đó Hữu-Xứng đã từng nhịn ăn đến ốm. Lúc ban đầu khi Bá mới tới, Hữu-Xứng không nhận lời. Bá khóc-lóc mấy lần mà bày-tỏ sự lợi hại. Và chẳng, Hữu-Xứng cũng nghĩ rằng nếu không quyền-nhận thì lại thêm sự khó-khăn khổ-sở. Vì vậy, cho nên gặng dặng mà theo Bá. Nhưng phạm việc bàn-nghị thì do Bá làm hết. Hữu-Xứng lại sai người cầm giấy tư cho Hoàng-Tá-Viêm (tức Kế-

Viêm), Nguyễn-Chánh, và các hạt lân-cận, rằng nếu có thể tiếp-viện cứu thành một cách đàng-hoàng được thì làm, chớ cho sự nhận thành ở đây làm ngại. Và Hữu-Xứng tâu về Triều xin chịu tội. Người Phú trả thành, nhưng vẫn đóng ở Hành-cung ».

Trên đây là chính-sử ta chép chuyện, nhưng kẻ chép lại là Hữu-Xứng, là người chủ-động trong việc này. Cho nên ta thấy ông đã tìm cách tự bào-chữa, và ám-chỉ Tôn-Thất-Bá là kẻ chủ-mưu giao-thiệp với Pháp, sau khi thành mất. Sự thật đúng như thế. Chính Rivière cũng chỉ biết một mình Bá. Mà tờ giao-kết trả thành, cũng chỉ có một mình Bá ký mà thôi. Bá lại còn nhận làm quyền tổng-đốc Hà-Ninh để làm « an-dân ». Những việc ấy trong các thư H. Rivière gửi cho Sài-gòn và tổng-lãnh-sự ở Huế còn nói rõ cả.

Nhưng có một việc khác Bá làm, mà chính H. Rivière ban đầu cũng muốn giấu, nhưng sau bị bại-lộ, buộc ông phải nói ra. Đó là chuyện Bá xin lấy trộm của công một vạn quan tiền để thưởng công cho mình đã chịu nhận thành và chức Tổng-đốc. Câu chuyện như sau, tôi sẽ kể lại theo các thư của H. Rivière :

Ít lâu sau khi Hà-thành thất-thủ, một người đàn-bà từ Ninh-hải (tức Hải-phòng ngày nay) đi tàu vào cửa Thị-nại (Qui-nhơn). Y đem theo 1.200 quan tiền vào để đổi bạc trong ấy, vì bạc trong ấy rẻ. Quan trên thấy số tiền lớn bèn bắt giữ lại, thì y khai là vợ của tên thông-ngôn Phong làm với quan tư Rivière, và tiền là của Phong.

Bốn tháng sau, ti Thương-bạc ở Huế viết thư cho lãnh-sự

Pháp là Rheinart nói về chuyện ấy. Rheinart lấy làm khó chịu. Ngày 6 tháng chạp, bèn viết thư cho H. Rivière ở Hà-nội, nói rằng có lẽ thông Phong lợi-dụng quyền-thế mà mua tiền được rẻ ở Hà-nội.

Sau đây là quãng đầu bức thư mà Rivière viết ngày 2 tháng giêng năm 1883, trả lời cho Rheinart :

« Tôi đồng ý với ông rằng những lời bóng-gió của quan Thương-bạc không thể động-chạm đến các sĩ-quan ta. Tôi gửi kèm theo đây cho ông những giấy-má, để ông hiểu rõ thật-trạng việc này. Tôi tin rằng ông giữ kín-đáo, không để các giấy-má ấy làm lụy đến quan Án. Điều lợi cho ta là đừng làm lộ những việc mà các quan đã làm, hay có thể làm ích cho ta. Ta không nên để ý quá đến dây liên-lạc mỏng-mạnh nối quan Án và vua. Nhưng ta đã nhờ công của viên quan này mà sự cai-trị Hà-nội và hai tỉnh đã chốc-lát qua tay từ một viên-chức này sang viên-chức khác. Sự ấy đã làm cho ta tránh khỏi sự hỗn-độn và rối-loạn. Nếu không thì rất có thể có một cuộc quấy rối bởi các thân-sĩ như năm 1873.

« Muốn đòi trả những công-trạng ấy (tuy y không nói ra), *quan Án đã xin Kergaradec (viên lãnh-sự) và tôi lấy một vạn quan trong thành mà không phải biên-lai cho chúng tôi.* Chúng tôi đã bằng lòng. Viên quan ba coi việc hằng ngày ở Hành-cung là Guilloteau, đã được lệnh để y lấy, và đã chứng-kiến sự lấy ấy.

« Mấy ngày sau, quan Án cho chúng tôi biết rằng, trong số tiền ấy, y đã giao cho một người đàn bà mang đi 1.200 quan để đưa vào Qui-nhơn, nhưng lúc qua Hải-phòng, thì bị

sở thương-chánh Hải-phòng giữ lại. Tôi đã viết lệnh gửi cho ông Rocca Serra, bảo rằng *bởi lý-do chính-trị* phải để số tiền ấy đi qua.

« Ông vừa cho tôi biết sự xảy ra ở Qui-nhơn. Thông Phong vẫn có tiếng là trong-sạch lắm. Có lẽ ông Kergaradec chỉ dùng y để hỏi giấy xuất-dương của người đàn-bà kia mà thôi. Tôi không tin rằng người đàn bà kia là vợ y. Có lẽ những lời người đàn bà ấy khai, để chứng rằng tiền là của mình, là những lời bịa ra mà thôi. Tôi đã không hỏi tên Phong được, vì nó đã rời khỏi Bắc-kỳ, và nay nó ở Sài-gòn.

« Tôi không nhớ rằng những quan An-nam ở Hà-nội từng hỏi chúng tôi về việc ấy. Chúng đã hỏi Kergaradec chẳng ? Nguyên trong lời quan Thương-bạc có nói rằng số tiền ở kho đã mất, và đã hỏi ông lãnh-sự Pháp ở Hà-nội thì ông ấy bảo đã lấy một ít để trả phụ). Tôi nghĩ rằng, chỉ nên lặp lại lời mà chúng đã nói là của Kergaradec. Thế là lợi hơn cả. Như vậy thì chuyện của quan Án sẽ bị lấp bừa đi. Đó là chưa kể đến sự nếu quan Án bị chết trong vụ này, thì ta cũng không có lợi gì mà khơi chuyện ấy ra như là chuyện của ta nữa... »

Đọc đến đây, ta thấy rằng những lời chửi rủa của kẻ đương-thời đối với vị quan này không có gì quá đáng, mà lại còn nhẹ nữa.

**IN TẠI NHÀ IN XUÂN-THU
89 PHỐ HÀNG ĐẪY, HÀ-NỘI
XONG NGÀY 31-5-1950**



Notes

[← 1]

Tiết mạnh-hạ : Tháng tư.

[← 2]

Điên-mạt : Đầu đuôi.

[← 3]

Phân-nhiều : Rối loạn.

[← 4]

Năm Quý-dậu : 1873.

[← 5]

Trường-thi : Khoảng thư viện và trường kỹ-nghệ Hà-nội.

[← 6]

Ngạc-nhe An-nghiep : Francis Garnier.

[← 7]

Trước năm giờ sáng.

[← 8]

Khâm-thừa quan Nguyễn : Khâm-sai Nguyễn-Tri-Phương.

[← 9]

Phò Lâm : Phò-mã Nguyễn-Lâm con Nguyễn-Tri-Phường.

[← 10]

Lên quân-thứ Sơn tây. Nguyên-bản chép : « nên thứ », không hiểu nghĩa nên chúng tôi đoán mà chữa.

[← 11]

Ông tham Tôn : Tôn-Thất-Thuyết.

[← 12]

Diễn, Canh : Các làng trên đường đi Sơn-tây.

[← 13]

Nhơn-nhơn : Sửa-soạn một cách rộn-rịp.

[← 14]

Ninh-hải : Hải-phòng.

[← 15]

Định, An-Ninh-hải : Hưng-yên, Nam-định và Hải-phòng.

[← 16]

Quan Hoàng Thống : Hoàng-Kế-Viêm thống-đốc các quân ở Bắc-kỳ.

[← 17]

Lưu Hắc kì : Lưu-Vĩnh-Phúc tướng-quân Cờ-đen rút về Lao-kay. Sông Ngâu là sông nhánh ở tả ngạn sông Thao. Chảy qua địa-hạt Lao-kay.

[← 18]

Vua Tự-Đức nhiều tuổi, chính sự không cương quyết.

[← 19]

Hoắc-đạo-sinh : Philastre cùng Nguyễn-Văn-Tường lần này ra Hà-nội giàn-xếp.

[← 20]

Chỉ truyền : Lời vua truyền.

[← 21]

Năm Giáp-tuất : 1874.

[← 22]

Quan Tăng-Doãn : Nguyễn-Tăng-Doãn được bổ làm tuần-phủ Hải-dương để giao-thiệp với Pháp. Nguyên-bản chép « Nhữn » là sai.

[← 23]

Tràng-tây : Khu đất dọc bờ sông, từ khoảng bảo-tàng Đông-phương bác-cổ đến nhà thương Đồn-thủy.

[← 24]

Chín khôn : Rất khó khăn.

[← 25]

Đình-Túc : Trần-Đình-Túc.

[← 26]

Người tri-chức : Hữu-trí.

[← 27]

Trần : Trần-Đình-Túc.

[← 28]

Mần rǎng : Làm sao.

[← 29]

Chứng gió Tây : Theo chứng thể-lực Pháp.

[← 30]

Khoảng 1880-1881.

[← 31]

Trong thành.

[← 32]

Giờ Thìn : Quá bảy giờ sáng.

[← 33]

Nhất chiến : Đánh một trận quyết-liệt.

[← 34]

Quan Đốc-bộ : Tổng-đốc.

[← 35]

Miếu Võ-công : Võ-miếu.

[← 36]

Quan Tuần-phủ : Hoàng-Hữu-Xứng.

Nó : Ấy.

[← 37]

Đoài, Bắc : Sơn-tây và Bắc ninh.

[← 38]

Kính-thiên : Điện chính ở Hành-cung.

[← 39]

Quý-dậu : 1873.

[← 40]

Quan tiết-chế *Hoàng-công* : Hoàng-Kế-Viêm.

[← 41]

Sơn Hùng : Sơn-tây Hưng-hóa.

[← 42]

Tĩnh-biên Đình-Túc : Trần-Đình-Túc lại được sung chức Khâm-sai Tĩnh-biên-sứ.

[← 43]

Lòng son dạ sắt.

[← 44]

Xuất-thú : Ra thú.

[← 45]

Ấm chỉ quan tuần-phủ.

[← 46]

Dày, Kẽ, Vẽ, Vòng, Phùng đều là những làng thuộc phủ Hoài-đức ở phía Tây Hà-nội.

[← 47]

Thanh-oai : Tên làng và huyện ở Hà-đông phía tây-nam Hà-nội.

[← 48]

Nam xang : Huyện ở Hà-nam ở phía nam Hà-nội.

[← 49]

Tuyên-quang, Hưng-hóa, Sơn-tây.

[← 50]

Thanh-biên : Quân nhà Thanh.

[← 51]

Đãi-chí : Nhãng chí.

[← 52]

Xiềng trao già-tỏa : Các quan bị giải về Kinh. Tay đeo xiềng, cổ đeo gông. Sự thực thì không phải gông xiềng.

[← 53]

Rọ : Thú lông dùng bỏ lợn vào trong mà gánh.

[← 54]

Tàu bị hỏng.

[← 55]

Thông năm : Không biết đó là những chức gì, có lẽ là cảnh-sát và thông-ngôn.

[← 56]

Bà cố : Bà có con hay rể làm quan.

[← 57]

Hạc : Bạch-hạc, Việt-trì.

[← 58]

Thiên-triều : Quân Thanh.

Quán : Huyện-lị Trấn-an, gần Bảo-hà.

[← 59]

Quảng-yên, Thái-lạng : Thái-nguyên và Lạng-sơn.

[← 60]

Sơn, Hưng : Sơn-tây và Hưng-hóa.

[← 61]

Giới đánh trên nước.

[← 62]

Thiện bộ : Giỏi đánh trên bộ.

[← 63]

Lâm, Đoan : Lâm-thao, Đoan-hùng.

[← 64]

Quân Cờ-đen dùng lá cờ to, có treo lưới câu, để chụp bắt địch. Chúng lại trồng cọc giữa sông để chọc thủng tàu.

[← 65]

Sau câu 248, nguyên bản sót mất hai vế song-thất. Nhưng vì vần hợp nên cũng có thể tác-giả tự sót.

[← 66]

Nhấn : Đến.

[← 67]

Sao cờ : Sao chổi đuôi dài như cán cờ, mọc từ tháng 8 năm ấy, đến gần cuối năm mới tắt.

[← 68]

Ngũ liệt, tam phân : Thể chia năm chia ba.

[← 69]

Dị bản : (B) *Vùng*, (A) *vùng*.

[← 70]

Dị bản : (B) Khoảng, (A) *rộng*.

[← 71]

Bốn câu đều lấy ý ở đầu bài « *Chính-Khí ca* » của Văn-Thiên-Tường, trung-thần nhà Tống, vì không hàng Nguyên, nên bị giết. Ý là chính khí trong trời đất, hiện ra mặt trời và sao ở trên, ra núi và sông ở dưới. Còn ở người, thì chính-khí lớn vô-cùng, hiện ra lúc lâm nguy.

[← 72]

Vận truyên phong : Vận đen đỏ.

Dị bản : (B) Vận, (A) *trận*.

[← 73]

Dị bản :

- « Để » : (B) *chép*.
- « Xanh » : (B) *kinh*.

[← 74]

Hà-Ninh : Hà-nội và Bắc-ninh.

[← 75]

Quang-viễn : Hiệu của Hoàng-Diệu. Thật ra đó là tự, còn hiệu là Tĩnh-trai.

Dị bản « quang viễn » : (B) *Hoàng-Diệu*.

[← 76]

Lâm nguy, lý hiểm : Từng trải các sự nguy hiểm.

[← 77]

Dị bản « vâng » : (B) *mới*.

[← 78]

Thôn Hồ : Nuốt sống kẻ mọi-rợ ngoại xâm. Bụng chực nuốt giặc.

Dị bản « vốn » : (B) *vẫn*.

[← 79]

Dị bản « giao-tiếp » : (B) *giao-thiếp*.

[← 80]

Năm Nhâm-ngọ : Năm 1882.

Dị bản « vừa » : (B) *đầu*.

[← 81]

Qua giờ Thìn : Sau bảy giờ sáng.

Dị bản :

- « sáng mai » : (B) *vừa ngay*.
- « bước » : (B) *mới*.

[← 82]

Dị bản « đã » : (B) *vẫn*.

[← 83]

Dị bản « vài » : (C) *độ*.

[← 84]

Tiên nghiệm : Phòng nghiệm trước.

Dị bản « lên » : (B) *sai*.

[← 85]

Thệ sư : Cùng quân-lính thề sẽ chết sống giữ thành.

[← 86]

Dị bản « nghe lời » : (A) *đều mời*.

[← 87]

Dị bản « hãm-hãm » (B) : (A) *ai ai*.

[← 88]

Dị bản :

- « bỗ̃ng » : (B) *thoát*
- « pháo » : (C) *súng*.

[← 89]

Tiêm cừu : Giết kẻ thù.

Nổi giận xung quan : Tóc dựng lên đến mũ.

[← 90]

Dị bản : (B) *Chó dê*, (A) *dương tê*.

[← 91]

Bạch-quỷ : Quì trắng, đó là tiếng khinh bỉ mà người Đông Á ngày trước dùng để trỏ người Âu, cũng như người Pháp dùng những tiếng Nain jaune (lùn vàng), Jap để chỉ người Nhật. Như đã nói trên, chúng tôi giữ nguyên-văn, để cho rõ tình cảm của nhà văn, chứ không xu-thời tự cải văn người khác.

[← 92]

Dị bản :

- (B) *Cửa đông, (A) tỉnh-thành.*
- « cửa bắc » : (C) (D) *thành bắc.*

[← 93]

Dị bản toàn câu : (A) *ai ai cũng chí tung-hoành.*

[← 94]

Dị bản « nào » : (B) *không*.

[← 95]

Thắng trạng : Tình trạng thắng trận.

Dị bản :

- « vẫn rằng » : (B) *rõ-ràng*.
- (B) *Thắng-trạng*, (A) *thắng-trận*

[← 96]

Nội-công : Kẻ gian phá-ngầm ở trong.

Dị bản « phải » : (B) *rắp*.

[← 97]

Dị bản « cháy » : (B) *đốt*.

[← 98]

Dị bản « sợ chết thảy đều » : (B) *truy-sát giập-giù*.

[← 99]

Nào ai cõm áo : Ơn sinh-sống dưới quyền che chở.

Dị bản « cõm áo dốc đẽn » : (B) *sức khỏe gan liền*.

[← 100]

Dị bản « cầm vững cho bền » : (B) *gìn-giữ vững-bền*.

[← 101]

Chí kinh-luân : Xử-lý những sự khó-khăn.

Dị bản : (B) *Còn*, (A) *có*.

[← 102]

Dị bản : (B) *Thánh-quân*, (A) *quân-thân*.

[← 103]

Núi Nùng, sông Nhị : Núi đất nhỏ trong vườn Bách thảo : làm nền cho điện Kính-thiên mà xưa cũng gọi là Nùng-sơn điện. Sông Nhị-hà chảy qua Hà-nội. Nhà văn thường dùng núi sông ấy để tả Hà-nội.

[← 104]

Dị bản toàn câu : (B) *thương ôi trong buổi lưu-li.*

[← 105]

Dị bản « lòng » : (B) *tấm*.

[← 106]

Học-đường : Nha Học-chính xưa, ở cạnh phố Sinh-tử ngày nay, chỗ ga hàng-hóa.

Dị bản :

- « đem... lên... » : (B) *rước*. ra...
- (B) *Trong*, (A) *cung*.

[← 107]

Dị bản « đau-đớn » : (E) *thiết-tha*.

[← 108]

Năm Dậu : Năm 1873.

[← 109]

Tính đốt : Đếm đốt ngón tay mà tính.

Dị bản « nay... đốt... » : (A) *năm... suốt*

[← 110]

Long-thành : Thành Thăng-long, tức Hà-nội.

[← 111]

Dị bản « hết » : (A) *quét*.

[← 112]

Quyên-sinh tợu nghĩa : Chết vì nghĩa.

Dị bản « tợu-nghĩa » : (A) *tự tử*.

[← 113]

Võ-hiến Khâm-sai : Nguyễn-Tri-Phương.

[← 114]

Võ-giáp, văn-khôi : Kẻ đứng đầu hàng vũ và văn.

Dị bản :

- « còn ai » : (B) *Ngoài ra*.
- (B) *Võ-giáp*, (A) *võ-tướng*.

[← 115]

Mũ áo trâm hốt, trông qua thấy bảnh bao lắm, thì ngờ là những vị ấy có khí tiết.

Dị bản : (B) *nhác*, (A) *xem*.

[← 116]

Dị bản « khi bình làm hại » : (B) *thanh bình nhiễu-hại*.

[← 117]

Dị bản « túi tham mở rộng » : (B) *túi tham vơ-vét*.

[← 118]

Dị bản « đến khi » : (B) *tới cơ*.

[← 119]

Dị bản « ngơ ngáo » : (B) *ngơ-ngác*.

[← 120]

Quân hầu đồ : Gần tan-rã.

[← 121]

Dị bản « nghĩ coi thật đã » : (B) *ngĩ xem chừng cũng*.

[← 122]

Bảo-thân : Giữ lấy mình.

[← 123]

Dị bản « những mô-hồ » : (B) *nói hồ-đồ*.

[← 124]

Dị bản « dưới » : (B) *xuống*.

[← 125]

Dị bản :

- « kẻ » : (B) *người*.
- « chơi » : (B) *sai*.

[← 126]

Cả tối và mai.

Dị bản « tối lại hòa mai » : (B) *ngày một ngày hai*.

[← 127]

Dị bản « tỏ-tường » : (B) *biết tường*.

[← 128]

Sợ chết, tham sống.

Dị bản « tham » : (B) *thâu*.

[← 129]

Bắt gia-hình : Bắt tội.

Dị bản « nên bắt gia-hình » : (B) *nhên tội đào-chinh*.

[← 130]

Dị bản « năm mươi » : (E) *sáu mươi* (có lẽ sai : vì các nơi khác có nói đến tuổi trẻ của quan Tuần).

[← 131]

Dị bản « nước nhà » : (B) *quốc-gia*.

[← 132]

Trong sổ tên kẻ có học thì là một vị lớn.

Dị bản « kẻ » : (B) *chiếu*.

[← 133]

Dị bản « lại còn quanh quẩn » : (B) *hãy còn lẫn-quẩn*.

[← 134]

Dị bản « vật » : (B) *mùi*.

[← 135]

Nghiên-tinh : Nghiên-cứu rõ-ràng.

[← 136]

Cái xuân xanh : Tuổi trẻ. Bản A đọc lầm ra gái.

Dị bản : (D) *Tiểu cái*, (A) *tiểu gái*, (B) *Thương-tiểu*.

[← 137]

Tứ-thân : Mẹ.

Dị bản toàn hai vế 96-97 :

- (B) *Hay là còn chút khuê-hình.*
- (E) *(khốn hình) từ-thân. Ngổn-ngang nghĩ nổi xa gần.*

[← 138]

Tịch-cốc : Nhịn đói. Hữu-Xứng có nhịn đói ba hôm, rồi thôi.

Dị bản « đã » : (B) *rấp*.

[← 139]

Tử trung : Chết để trọn lòng trung.

[← 140]
Án-sát.

[← 141]

Kim-chi, ngọc-điệp : Cành vàng lá ngọc.

Dòng tôn-nhân : Người họ nhà vua.

[← 142]

Họ nước và tôi vua.

[← 143]

Dị bản : (E) *bán lẻ, bán chiếc* (chắc chữ lẻ mà lầm), (A) *để mất*.

[← 144]

Dị bản : (B) *Thế mà*, (A) (D) *thế xưa*.

[← 145]

Vòng lưỡng gian : Khoảng trời đất.

[← 146]

Tứ-giao : Giao-thiệp riêng với quân Pháp.

Dị bản « rắp »: (B) *lập*.

[← 147]

Hội-thương : Bàn-nghị với tướng Pháp.

[← 148]

Dị bản « khôn » : (A) *gan*.

[← 149]

Dị bản « nói quanh » : (B) *tiến-chinh*.

[← 150]

Dị bản « lĩnh » : (B) *nhận*.

[← 151]

Hình như Tôn-Thất-Bá đổ lỗi cho Hoàng-Diệu khiêu-khích Pháp nên mới bị đánh. Người ta thì đổ cho Bá là đã cố ý ra thành xui Pháp tấn-công, để lĩnh chức quan của Pháp cho. Một sự chắc là Bá xin Pháp một vạn quan tiền (xem V).

[← 152]

Tổng-đốc Hoàng-Diệu.

[← 153]

Bổ-chánh.

Dị bản « lân-la » : (B) *thong dong*.

[← 154]

Xỉ-ban : Hạng nhiều tuổi.

Dị bản « cũng đã tuổi ngoài » : (C) *tuổi cũng trạc ngoài*.

[← 155]

Dị bản « Trong » : (E) *xong*.

[← 156]

Núi Tản-viên, đây trở tỉnh Sơn-tây.

Dị bản : (B) *Nhị hà*, (A) *lưu-thông*.

[← 157]

Dị bản « còn như ti-thuộc » : (C) *kìa như tân-thuộc*.

[← 158]

Kẻ công, người quá : Kẻ có công, người có lỗi.

[← 159]

Dị bản « khắp » : (C) *Hết.*

[← 160]

Dị bản : (C) *đã*, (B) *lại*.

[← 161]

Dị bản « rên » : (C) *đền*.

[← 162]

Hóng mát thông-dong ở nơi đình nghỉ.

Dị bản « nhân chốn nhàn-đình » : (C) *những lúc dựa mình.*

[← 163]

Núi Bình, chắc là núi Ngự-bình ở Huế. Câu này làm ta có thể nghĩ rằng tác-giả viết bài này ở Huế. Nhưng có lẽ y chỉ muốn nói : trông vào Huế.

[← 164]

Chúc vua sống lâu một vạn năm.

[← 165]

Duyên-hài : Duyên ưà.

[← 166]

Ra tay khàng-tế : Làm yên dân, cứu dân.

Dị bản toàn bốn vế 129-132 : (C) không có.

[← 167]

Dị bản toàn hai vế 133-134 :

- (C) và (E) *Nghiêu-Thuần quân* : *Nghiêu-Thuần dân*.
- (B) *thiên-thu* : *bất thiên xuân thái-hòa*.

[← 168]

Dật-hứng : Hứng thú thanh-nhàn.

Dị bản « tỉnh say » : (B) *chén say*, (E) *túy-tinh*, (C) *xem câu thiên định*.

[← 169]

Dị bản « Hà-thành » : (C) (E) ở đời.

[← 170]

Dị bản :

- « càng nghe thấy chuyện » : (C) (B) *nghe câu chính-khí.*
- « càng rầu bên tai » : (C) (B) *mà rầu-rỉ tai.*

[← 171]

Dị bản « diễn ca » : (B) *dẫ ca*, (C) (E) *diễn nô*.

[← 172]

Dị bản : (C) *đời đời*, (B) (E) *người người*.

[← 173]

Đối-phó với việc quan-hệ đến tiết-tháo mình, thì không có gì đoạt được (*Luận-ngữ*). (CỤ TÙNG-PHONG CÓ GIÚP CHÚ-THÍCH ĐOẠN TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 15)

[← 174]

Hoàng Chẽ-dài : Tổng-đốc.

[← 175]

Việc thủ thổ : Giữ đất mình coi.

[← 176]

Mặt ngoài tỏ vẻ ung-dung, nhưng trong đề-phòng chống-cự.

[← 177]

Lệnh vua Tự-Đức không cho đụng chạm đến quân Pháp.

[← 178]

Mấy lần chở xác quân mà lui (*kinh Dịch*).

[← 179]

Bất-ki : Không theo lệnh trên.

[← 180]

Thị tứ như du : Cõi cái chết như chơi.

[← 181]

Nhất-quyết : Quyết định chết.

[← 182]

Mặt trời nóng, sương lạnh, nêu khí-tiết.

[← 183]

Núi Nùng sông Nhị treo cương-thường.

[← 184]

Niệm trí-thân : Liễu mình chết (*Luận-ngữ*).

[← 185]

Thâu-sinh : Trộm sự sống, vì nghĩa đáng nên chết.

[← 186]

Có khi coi cái chết nặng như núi Thái-sơn, có khi coi nhẹ như lông chim hồng.

[← 187]

Còn để tiếng thơm lại nghìn đời là bởi có sử chép.

[← 188]

Chính-khí rạng-rỡ làm động cả núi sông.

[← 189]

Rượu một bầu, thơ một cuốn.

[← 190]

Đem thanh liêm mà nuôi dạy dân.

[← 191]

Lên mặt thành để dàn trận.

[← 192]

Cổ-thanh pháo chấn : Trống gióng, súng ran.

[← 193]

Thế cận tương suy : Thế trận gần nguy.

[← 194]

Kim-long là trỏ Hoàng-Diệu, không rõ vì sao dùng chữ ấy.

[← 195]

Long-diện : Hành-cung Hà-nội.

[← 196]

Lạy tạ vua đến dập đầu chảy máu.

[← 197]

Trung-can : Gan dạ người trung.

[← 198]

Cơ tựu nghĩa : Tự tử để làm trọn nghĩa.

[← 199]

Bốn-phận đối với vua, với nước.

[← 200]

Đứng đầu triều-đình toàn là những ông quan to.

[← 201]

Đền ơn nước mà quên mình thì chỉ có một ông !

[← 202]

Cẩn bái : Khăn vái kính cẩn.

Chữ « *thấy* », thì nguyên bản chép « *Xét* », nhưng thể là mất vần. Đoán kẻ sao đã sơ ý nhớ lầm.

[← 203]

Sự quân : Thờ vua.

[← 204]

Chúng ta gặp thời đồ-đạt và làm quan thì dễ.

[← 205]

Bầy tôi ung-dung tự-tử để làm trọn nghĩa thì khó.

[← 206]

Cơn thăng-thốt : Lúc có biến-cổ vội-vàng.

[← 207]

Bạch-quí : Tiếng nhiễu người Âu-châu thời bấy-giờ, nghĩa là quí da trắng.

Vương-hóa : Sự giáo-hóa của nhà vua.

[← 208]

Chiến-thư : Thư khiêu chiến của Pháp.

Bội hòa : Phản lại hòa-ước.

[← 209]

Giữ cô-thành : Giữ cái thành trơ-trọi không viễn-binh.

[← 210]

Trên thành phất cờ đỏ xua tướng sĩ tiến.

[← 211]

Trong quân bắn súng vào mọi Tây-dương.

[← 212]

Tứ chính, Tứ-ki : Tám cơ binh đóng giữ Hà-nội.

[← 213]

Trận đánh nhau làm giặc Tây sợ lạnh tâm.

[← 214]

Tả-binh : Quân người theo đạo công-giáo, mà các vua trước gọi là tả-đạo, nghĩa là đạo lầm. Đây tác giả đổ lỗi cho lính có đạo công-giáo đã thông với Pháp để làm nội ứng, đốt kho thuốc súng. Người Pháp thì nói đạn đại-bác bắn đúng vào kho thuốc. Theo cụ Nguyễn-Đình-Trọng, thì kho cháy, nhưng thuốc súng đã được dời từ trước, vì Hoàng Diệu đã đoán trước rằng Pháp tìm cách đốt kho. Sự thật thế nào không rõ. Nhưng ta chớ quên rằng bài này viết đang lúc triều-đình và sĩ phu còn đang nghi-kỵ người công-giáo, vì có một hạng người công giáo đời ấy để Pháp lợi dụng. Cho nên ta không thể hoàn-toàn tin vào dư-luận đương-thời.

[← 215]

Cờ tranh-phong : Cờ hiệu vẫy quân tiến đánh.

[← 216]

Thần-long : Trỏ Hoàng-Diệu.

[← 217]

Từ xưa, người sinh ra ai là không chết.

[← 218]

Chết vì việc nước là chết hợp với cương thường.

[← 219]

Danh-tiết lưu phương : Để tiếng thơm.

[← 220]

Biện tử : Định chết.

[← 221]

Dở kinh luân : Tổ tiết-tháo khi gặp việc khó-khăn.

[← 222]

Quan-thân : Thân-sĩ và quan-liêu.

[← 223]

Chỉ : Lời ban ý vua.

[← 224]

Phào : Không thực.

[← 225]

Cửa : Động. Nguyên-bản chép « cự », chắc đọc lầm chữ nô.

[← 226]

Xao : Tri-tân 183 chép « đào ».

[← 227]

Các bài này lấy ở bản A (nguyên bản). Riêng bài đầu báo Tri-Tân số 183 có đăng.

[← 228]

Ngo : Trưa.

[← 229]

Quý dậu : 1873.

Nào ai trách : Có trách-nhiệm giữ.

[← 230]

Quan Tuần : Hoàng-Hữu-Xứng trốn vào trong Hành-cung, phát ốm mà nằm. Lúc tướng Pháp tới, có dụ ông, nhưng ông cáo bệnh và nhịn đói ba hôm. Sau khi tôn-Thất-Bá trở về, ông cùng Bá nhận lại thành mà Pháp trả. Ngày sau, hình như ông đã kể công mình đã « điều-đỉnh thẳng lợi », vì thế mà sĩ phu bây giờ hay chê ông.

Buổi se : Mệt, tiếng nói kiêu-cách ở đằng trong.

[← 231]

Đây có lẽ muốn nói ông nấp trong Hành cung để nghe ngóng.

[← 232]

Mắt đỏ hoe : Ám chỉ tính ông thích rượu, mắt thường đỏ.

[← 233]
Dè : Kiêng.

[← 234]

Không rõ nghĩa, có lẽ sao lầm, vì không có đối với câu dưới.

[← 235]

Nguyên-bản bỏ dỡ hai câu này. Có lẽ lời chê quá đáng, cho nên không sao lại.

[← 236]

Trương Tùng : Đã phản họ Trương, dâng bản-đồ Ích-châu cho Lưu Bị.

[← 237]

Quan Bối : Phan-Văn-Tuyển trèo thành chạy lên Sơn-tây.

[← 238]

Thâu sanh : Trộm sự sống.

[← 239]

Đại-tĩnh mặt phiên-đài : Bối-chánh.

[← 240]

Can-thành : Giữ thành.

[← 241]

Tôn-Thất-Bá thích làm quen với người Pháp. Biết thế nào Pháp cũng đánh thành, Bá bèn xin ra thành để điều-đình. Bá vừa ra khỏi thành, thì Pháp đã tấn công. Y bèn chạy trốn vào làng Mọc. Dư-luận cho y mưu để trốn thoát thành, vì có tin báo trước. sau Bá lại thông tin với thông Phong để ra hàng, cho nên được mời về nhận thành, Bá điều-đình với H. Rivière, và ký một tờ tạm-ước nhận thành. Trong thư của Rivière còn kể rõ chuyện. Bá nhận quyền chức tổng-đốc Hà-ninh để lo việc an-dân. Bá xin với Rivière lấy trộm của công ra 10.000 quan để cho mình. Sau việc bại lộ, nhưng nhờ Rivière che chở nên không ai biết (xem đoạn cuối sách).

[← 242]

Nguyên-bản bỏ trống một chữ, có lẽ vì tiếng thô. Còn tiếng sau lại chép « bà », nhưng thế là sai vắn ; có lẽ là « nường ».

[← 243]

Trường : Trường tây ở Đồn-thủy.

[← 244]

Khi-trá : Nói dối.

[← 245]

Thái-lĩnh : Núi Thái-sơn.

[← 246]

Hứa quốc : Hứa thân cho nước.

[← 247]

Chạc : Dây lớn.

[← 248]

Tứ bất-tử : Bốn cách tự-tử không chết.

[← 249]

Bài này hay được truyền tụng, nhưng khác một vài chỗ, như : *Thắt cổ chân* còn *vương đến đất*.

[← 250]

Điều này sai. Xem mục *chú-ý* sau bài.

[← 251]

Rivière từ Sài-gòn ra Hà-nội, chiều 2 tháng 4 năm 1882 thì tới.

[← 252]

Ngày hôm sau, mồng 3, tuần-phủ Hoàng-Hữu-Xứng tới hỏi ý-định của sự thêm binh. Rivière nhờ ông trả lời Hoàng-Diệu.

[← 253]

Ngày mồng 4, Rivière tới thăm Hoàng-Diệu.

[← 254]

Henri Rivière vẫn trọng Hoàng-Diệu, nhất là sau khi Hoàng-Diệu tự-tử. Trong một bức thư khác, Rivière nói : « Quan Tổng-đốc là người quân-tử. Sự ông tự-tử đã chứng cho điều ấy ».

[← 255]

Các tài-liệu về H. Rivière đều lấy ở sách Henri Rivière « *Correspondance politique au Tonkin 1882-1883* », in năm 1933.